TỔNG CỤC HẬU CẦN
CỤC QUÂN Y

SỔ TAY
THUỐC NAM
CHỮA BỆNH TUYẾN CƠ SỞ



NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

https://trungtamthuoc.com/

TỔNG CỤC HẬU CẦN
CỤC QUÂN Y

SỔ TAY
THUỐC NAM CHỮA BỆNH
TUYẾN CƠ SỞ

(Tái bản lần thứ nhất có chỉnh lý và bổ sung)

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN
Hà Nội - 2005
https://trungtamthuoc.com/

CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN:

Đại tá PGS, TS. NGUYỄN VĂN THƯỜNG
Cục trưởng Cục Quân y

CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG:

Thượng tá BS. NGUYỄN VĂN HUYẾN
Trưởng phòng Y học dân tộc - Cục Quân y

BIÊN SOẠN:

Thượng tá BS. NGUYỄN VĂN HUYẾN
Thượng tá BS. HÀ MỘNG HOÀNG
Thượng tá DS. TRẦN VĂN MÔ
Thượng tá TS, KS. NGUYỄN HOÀNH CÔI

CHỈ ĐẠO SỬA CHỮA VÀ BỔ SUNG LẦN THỨ NHẤT:

Thiếu tướng TS. CHU TIẾN CƯỜNG
Cục trưởng Cục Quân y

SỬA CHỮA VÀ BỔ SUNG:

Đại tá BS, CKII. NGUYỄN VĂN HUYẾN
Thượng tá BS. ĐINH QUANG ĐỨC
Thiếu tá ThS. VŨ HUY HẢI

https://trungtamthuoc.com/

LỜI NÓI ĐẦU

(Nhân tái bản lần thứ nhất)

"Nam dược trị nam nhân" là tư tưởng chiến lược do danh y Tuệ Tĩnh đề xướng từ thế kỷ thứ XIV, được lưu truyền qua nhiều thế hệ các lương y, đã góp phần vào việc giữ gìn và tăng cường sức khỏe của dân tộc Việt Nam.

*Thực hiện phương châm "Thầy tại chỗ, thuốc tại chỗ". Cục Quân y tái bản cuốn "**Sổ tay thuốc nam chữa bệnh tuyến cơ sở**" với mong muốn phục vụ có hiệu quả hơn nữa trong việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho bộ đội và nhân dân.*

Sau 7 năm phát hành, "Sổ tay thuốc nam, châm cứu chữa bệnh tuyến cơ sở" đã đáp ứng một phần yêu cầu học tập và sử dụng thuốc nam chữa bệnh cho cán bộ quân y, đặc biệt là những đơn vị đóng quân trên địa bàn vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, điều kiện trang bị vật chất còn nhiều khó khăn.

Nội dung sách tái bản lần này vẫn bố cục theo 4 phần của lần xuất bản đầu tiên: phần thứ nhất giới thiệu 45 cây thuốc phân bố trên các địa phương trong cả nước, có hướng dẫn cách bào chế, phối hợp thành các bài thuốc dùng tươi hoặc bào chế làm thang sắc chữa bệnh tại đơn vị. Phần thứ hai và ba giới thiệu 6 cây thuốc có độc và 4 cây thuốc để giải độc, nhằm giúp mọi

https://trungtamthuoc.com/

người nhận biết dễ dàng khi thu hái, hạn chế đến mức thấp nhất sự nhầm lẫn gây hậu quả đáng tiếc.

Phần thứ tư giới thiệu 140 bài thuốc uống trong và dùng ngoài, kèm theo những chỉ dẫn chi tiết cách bào chế và sử dụng.

Thuốc nam và thực phẩm rau quả thực chất không có ranh giới riêng biệt, nên khi dùng làm thuốc cần chú ý một số điểm sau: Thuốc có tinh dầu không sắc quá 15 phút để giữ lại lượng tinh dầu có tác dụng cần thiết; thuốc có tác dụng cho ra mồ hôi phải ngừng thuốc ngay khi đã đạt hiệu quả, để tránh gây mất cân bằng nước và chất điện giải do dùng thuốc kéo dài.

Do khuôn khổ sổ trang in có hạn, phần châm cứu, bấm huyệt chỉ nêu tên huyệt, có giá trị đối chiếu tham khảo để kết hợp điều trị.

Khám xét kỹ lưỡng, chỉ định chính xác là yêu cầu cần thiết đối với các thầy thuốc khi ứng dụng thuốc nam, châm cứu theo bậc thang điều trị quy định của Cục Quân y.

Nhóm biên soạn cũng mạnh dạn giới thiệu cây "Chó đẻ răng cưa" đang thu hút sự chú ý của nhiều nhà khoa học y học, đã được ứng dụng điều trị có kết quả với bệnh viêm gan do siêu vi B - loại bệnh có tỷ lệ người mắc khá cao ở nước ta để tham khảo và ứng dụng thử.

Do trình độ còn hạn chế, mong nhận được ý kiến chỉ giáo, phê bình của đồng nghiệp và bạn đọc.

NHÓM BIÊN SOẠN

https://trungtamthuoc.com/

Phần thứ nhất

NHỮNG CÂY THUỐC NAM THƯỜNG DÙNG

1. BẠC HÀ

- *Tên khoa học:* Mentha arvensis L., Họ Hoa môi Lamiaceae

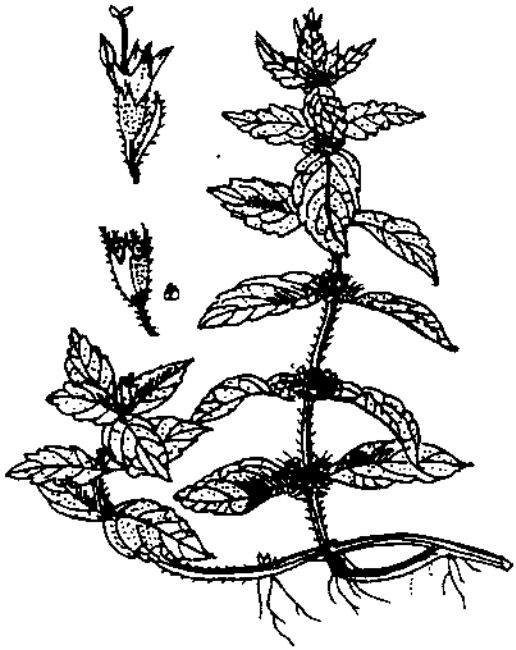
- *Tên khác:* Bạc hà nam.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Bạc hà là loại thân cỏ hình vuông, cao từ 10 đến 60cm, trên thân có nhiều lông, lá mọc đối chữ thập, mép có răng cưa. Hoa mọc vòng ở kẽ lá, cánh hoa hình môi màu tím hay hồng nhạt. Cây mọc hoang ở đồng bằng hay miền núi như Sa Pa, Tam Đảo, Ba Vì, Sơn La và được trồng nhiều ở Hưng Yên, Nam Định, ngoại thành Hà Nội...

- *Cách trồng:* Trồng Bạc hà bằng hạt hoặc thân ngầm, trồng vào mùa xuân cho năng suất cao nhất.

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Dùng toàn cây bỏ rễ, chặt ngắn 3cm hoặc dùng lá. Thu hái lúc cây sắp ra hoa, dùng tươi hoặc khô, phơi trong râm mát.

https://trungtamthuoc.com/



BẠC HÀ

Mentha arvensis L.

Họ Hoa môi - Lamiaceae

- *Công dụng, chủ trị:* Bạc hà có vị cay, mát, không độc, chữa cảm mạo phong nhiệt, có sốt, nhức đầu, ngạt mũi, không ra mồ hôi. Có tác dụng kích thích tiêu hóa, chữa kém ăn, ăn uống không tiêu.

https://trungtamthuoc.com/

- *Liều dùng:* Mỗi lần dùng 10 - 12g dưới dạng thuốc sắc hoặc uống nước cốt tươi.

- *Kiêng kỵ:* Người ra nhiều mồ hôi, trẻ sơ sinh không dùng. Thang thuốc giải cảm không sắc lâu quá 15 phút.

- *Cây dễ nhầm lẫn với Bạc hà:* cây rau Húng (rau Húng không có lông ở thân).

- *Chú ý:* Còn có 3 loại Bạc hà lai ghép đó là Bạc hà trắng, đỏ, tím và Bạc hà Trung Quốc (Lục Bạc hà) có tỷ lệ tinh dầu và menthol cao hơn.

- Trên thị trường có nhiều dạng thuốc chế từ Bạc hà như dầu Cù là (dầu Con hổ), kẹo Bạc hà, kem đánh răng, kẹo cao su Bạc hà...

- *Đơn thuốc có Bạc hà:*

+ Trà cảm mạo: Lá Bạc hà 10g, Kinh giới 10g, Hành hoa 10g, Bạch chỉ 5g, Phòng phong 5g, hãm nước sôi 15 phút, uống nóng làm nhiều lần trong ngày.

+ Rượu Bạc hà: Lá (hoặc tinh dầu) 50g pha đủ 1 lít rượu 45 - 50^0, uống 15 - 20 giọt mỗi lần, chữa rối loạn tiêu hóa, ăn không tiêu.

2. HƯƠNG NHU

- *Tên khoa học:* Ocimum sanctum L.. Họ Hoa môi - Lamiaceae

- *Tên khác:* É rừng hay É tía.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Nước ta có 2 loại: Hương nhu trắng và Hương nhu tía, cả hai loại đều dùng để chữa bệnh nhưng Hương nhu tía tốt hơn.

Hương nhu tía là loại cây nhỏ, thân và cành thường có màu tía, có lông quặp. Lá có cuống dài, thuôn hình mác hay hình trứng, mép lá có răng cưa, hoa màu tím, mọc thành chùm. Cây thường trồng làm thuốc ở quanh nhà, mọc hoang ở nhiều nơi trong cả nước nhưng nhiều nhất ở các tỉnh Hải Dương, Hưng Yên, Quảng Ninh, Hà Giang, Tuyên Quang.



HƯƠNG NHU
Ocimum sanctum L.
Họ Hoa môi - Lamiaceae

https://trungtamthuoc.com/

- *Cách trồng:* Trồng bằng hạt, thu hái hạt ở cây có quả từ năm thứ hai trở đi hoặc trồng bằng gốc vào mùa xuân.

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Dùng toàn cây, bỏ rễ. Thu hái lúc đang ra hoa, dùng tươi hoặc phơi khô trong râm mát.

- *Công dụng, chủ trị:* Vị cay, ấm, có tác dụng phát hãn, thanh thử, tán thấp, hành thuỷ. Dùng chữa cảm nắng, sốt nóng, sợ rét, đau đầu, làm ra mồ hôi.

- *Liều dùng.* Mỗi lần uống 6-12g dưới dạng thuốc hãm, nếu nấu nước xông thì dùng liều gấp 3 lần.

- *Chú ý:*

+ Người suy nhược cơ thể nặng đã ra nhiều mồ hôi không dùng được. Không sắc lâu quá 15 phút.

+ Tinh dầu Hương nhu chủ yếu dùng trong nha khoa.

- *Đơn thuốc dùng Hương nhu:* Hương nhu 500g, Hậu phác (tẩm nước cốt Gừng nướng khô) 200g, Bạch biển đậu sao 200g. Tán nhỏ trộn đều. Lấy 10-20g một lần pha với nước sôi, uống nóng. Chữa cảm sốt không có mồ hôi, chân tay lạnh, nhức đầu, ỉa lỏng.

https://trungtamthuoc.com/

3. KINH GIỚI

- *Tên khoa học:* Elsholtzia cristata Thunb., Họ Hoa môi - Lamiaceae

- *Tên khác:* Hoa Kinh giới, Giả tô, Khương giới.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Là loại cây thân cỏ, mùi rất thơm, cao 0,6-0,8m, thân vuông, phía gốc màu hơi tía, toàn cây có lông mềm ngắn. Lá mọc đối, phiến lá thuôn nhọn, mép lá có răng cưa. Hoa nhỏ màu tím nhạt. Cây được trồng trong cả nước.



KINH GIỚI
Elsholtzia cristata Thunb
Họ Hoa môi - Lamiaceae

https://trungtamthuoc.com/

- *Cách trồng:* Gieo hạt vào tháng 5 - 6, trồng cây vào tháng 6 - 7.

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Thu hái vào mùa thu. Dùng toàn cây gọi là toàn Kinh giới, dùng hoa là Kinh giới tuệ, dùng cây bỏ rễ gọi là Kinh giới. Dùng tươi hoặc phơi khô trong râm mát.

- *Công dụng, chủ trị:* Có vị cay ấm, chữa cảm mạo phong hàn như phát sốt, nhức đầu. Còn dùng chữa lỵ ra máu. Dùng làm gia vị.

- *Liều dùng:* Mỗi lần uống 8 - 12g.

- *Chú ý:* Không có chứng ngoại cảm phong hàn không dùng. Không sắc lâu, không dùng kéo dài.

- *Đơn thuốc có Kinh giới:*

+ Chữa cảm mạo phong hàn phát sốt, đau người, không ra mồ hôi: Kinh giới 20g sắc với một bát nước, lấy một nửa, uống nóng 3 lần trong ngày, khi ra được mồ hôi thì bệnh đỡ.

+ Mẩn ngứa dị ứng: Kinh giới 12g; Húng quế 12g; lá Đơn đỏ 12g, sắc với một bát nước, lấy nửa bát mà uống, ngày uống 3 lần, cho đến lúc hết ban chẩn.

+ Chữa trẻ em lên sởi bị lở ngứa: Kinh giới, Kim ngân hoa mỗi thứ 20g, sắc đặc, lấy nước uống 3 lần trong ngày, cho đến khi hết lở ngứa.

https://trungtamthuoc.com/

4. NGẢI CỨU

- *Tên khoa học:* Artemisia vulgaris L., Họ Cúc - Asteraceae

- *Tên khác:* Cây thuốc cứu, Cây thuốc cao, Ngải diệp.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Là loại cỏ sống lâu năm, thân có rãnh dọc. Lá mọc so le không cuống, màu lá hai mặt khác nhau, mặt trên nhẵn, màu lục sẫm, mặt dưới màu trắng tro, có nhiều lông nhỏ. Ngải cứu mọc hoang ở nhiều nơi trong cả nước, có thể trồng quanh nhà làm thuốc.



NGẢI CỨU
Artemisia vulgaris L.
Họ Cúc-Asteraceae

https://trungtamthuoc.com/

- *Cách trồng:* Trồng bằng thân ngầm, cành, ngọn bánh tẻ vào mùa xuân.

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Thu hái lá và ngọn có hoa vào mùa hè, dùng tươi hoặc phơi khô trong râm mát. Ngải cứu phơi khô để lâu năm càng tốt. Lá Ngải cứu phơi khô gọi là Ngải diệp. Lá Ngải cứu phơi khô vò nát thành bột vụn rây lấy phần lông trắng và tơi gọi là Ngải nhung.

- *Công dụng, chủ trị:* Có vị đắng, cay ấm, làm thuốc ôn khí huyết, điều kinh, an thai, chữa đau bụng do hàn, kinh nguyệt không đều. Lá Ngải sao cháy để uống có tác dụng cầm máu...

- *Liều dùng:* Mỗi lần dùng 8-12g, dưới dạng thuốc sắc hay nước cốt tươi, làm mồi Ngải hay điếu Ngải dùng để cứu, ngày 1-2 lần, mỗi lần 10-15 phút.

- *Chú ý:* Những trường hợp có sốt không nên dùng Ngải cứu.

- *Đơn thuốc có Ngải cứu:*

+ Bột Ngải cứu, bột Mạch nha theo tỷ lệ 1:3, Mật ong vừa đủ, làm viên bổ máu 6-10g, ngày ăn 1-2 viên.

+ Cao hương Ngải điều kinh, điều hòa tuần hoàn não: Ngải cứu, Củ gấu, Ích mẫu, Bạch đồng nữ tỷ lệ bằng nhau, nấu thành cao lỏng tỷ lệ 1:1; uống 30-60ml trong ngày.

https://trungtamthuoc.com/

5. TÍA TÔ

- *Tên khoa học:* Perilla frutescens (L.) Britt., Họ Hoa môi - Lamiaceae

- *Tên khác:* Tử tô, Tử tô tử, Tô ngạnh (cành), Tô diệp (lá).

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Là loại cây cỏ, cao 0,5 - 1,0m, thân thẳng đứng có lông; lá mọc đối hình trứng, đầu nhọn, mép có răng cưa, có màu tím hoặc xanh. Hoa màu trắng hoặc tím nhạt. Được trồng khắp nơi trong nước.



TÍA TÔ
Perilla frutescens (L.) Britt.
Họ Hoa môi - Lamiaceae

https://trungtamthuoc.com/

- *Cách trồng:* Trồng bằng hạt, gieo hạt vào tháng 1-2 dương lịch.

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Thu hái về dùng tươi hay phơi khô trong râm mát. Tử tô là cành non có mang lá của cây Tía tô. Tử tô tử là quả chín phơi hay sấy khô của cây Tía tô. Tô diệp là lá phơi hay sấy khô của cây Tía tô. Tô ngạnh là cành non hoặc cành già phơi hay sấy khô.

- *Công dụng, chủ trị:* Tía tô có vị cay ấm, lá có tác dụng chữa cảm mạo, sốt, ho, làm cho ra mồ hôi, giúp tiêu hóa. Cành Tía tô có tác dụng an thai. Quả Tía tô có tác dụng chữa ho, trừ đờm, hen suyễn, tê thấp. Lá Tía tô non làm gia vị.

- *Liều dùng:* Lá và hạt ngày 6-12g, cành lá khô ngày 12-20g. Dùng dưới dạng thuốc sắc.

- *Chú ý:* Đã ra mồ hôi nhiều, da khô nóng không dùng Tía tô nữa. Không sắc lâu quá 15 phút.

- *Đơn thuốc có Tía tô:* Giải độc cua cá, gây đau chướng bụng: Lá Tía tô tươi 30-50g, giã nát, vắt lấy nước cốt uống 1 lần sẽ giảm chướng. Sắc lá Tía tô, Cam thảo, Gừng sống mỗi thứ 10g, lấy 1 cốc (200ml) chia 3 lần, uống nóng.

https://trungtamthuoc.com/

6. SẢ

- *Tên khoa học:* Cymbopogon ssp., Họ Lúa - Poaceae

- Có 8 loại Sả, dùng tinh dầu làm hương liệu và thuốc khử trùng tẩy uế nơi công cộng.

- *Tên khác:* Cỏ Sả, lá Sả, Cỏ chanh, Hương mao.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Là loại cỏ sống lâu năm, mọc thành bụi, cao từ 0,8-1,0m. Lá hẹp dài giống lá lúa, hai mặt lá ráp nhám, khi vò ra có mùi thơm của chanh. Thân rễ trắng hoặc hơi tím. Sả được trồng khắp đất nước, trong các gia đình. Một số vùng đồi núi trồng để cất tinh dầu.



SẢ
Cymbopogon ssp.
Họ Lúa - Poaceae

https://trungtamthuoc.com/

- *Cách trồng:* Trồng bằng thân rễ, chịu hạn tốt.

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Lá và thân rễ tươi hay phơi khô, thường dùng làm gia vị. Sả còn dùng để cất tinh dầu làm mỹ phẩm.

- *Công dụng, chủ trị:* Sả có vị cay ấm. dùng chữa cảm sốt, cúm, chữa đau bụng đi ngoài, đầy hơi, bụng chướng, nôn mửa. Rễ giã nhỏ, xát chữa chàm mặt. Tinh dầu sả dùng để xông trừ muỗi, khử mùi hôi tanh. Trồng Sả quanh nhà để xua côn trùng, ruồi. muỗi.

- *Liều dùng:* Dùng 10-20g lá tươi để nấu nước xông chữa cảm cúm.

Uống 3-6 giọt tinh dầu chữa đau bụng đầy hơi.

- *Chú ý:* Táo bón mà có sốt không dùng Sả, không dùng cho trẻ em dưới 1 tuổi, không sắc lâu.

- *Đơn thuốc có Sả:*

+ Chữa đau bụng, rối loạn tiêu hóa: Sả tươi 30-50g đun sôi, hòa thêm đường đủ ngọt, uống nóng 2-3 lần trong ngày.

+ Bị đòn hoặc ngã sưng đau: Dùng 30-50g Sả tươi (củ, lá) đun sôi, lấy nước pha một chút rượu, uống nóng.

https://trungtamthuoc.com/

7. KHỔ SÂM CHO LÁ

- *Tên khoa học:* Cronton tonkinensis Gagnep., Họ Thầu dầu - Euphorbiaceae

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Cây nhỏ cao 0,7-1,0m, lá mọc cách hoặc hơi so le, cả hai mặt lá đều có nhiều lông hình khiên óng ánh, khi phơi khô mặt dưới lá có màu trắng bạc, mặt trên có màu nâu đen. Cụm hoa mọc ở kẽ lá hay đầu cành.



KHỔ SÂM CHO LÁ
Cronton tonkinensis Gagnep.
Họ Thầu dầu - Euphorbiaceae

https://trungtamthuoc.com/

- *Cách trồng:* Trồng bằng cành hoặc bằng hạt vào mùa xuân.

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Dùng lá, dạng tươi hoặc phơi khô. Thu hái vào lúc cây sắp ra hoa.

- *Công dụng và chủ trị:* Trị ung nhọt, kiết lỵ, viêm loét dạ dày hành tá tràng, chốc đầu.

- *Liều dùng:* Mỗi lần uống 12-20g dưới dạng thuốc sắc.

Nếu bị chốc đầu thì dùng nước sắc để rửa hoặc giã lá tươi để đắp.

- *Chú ý:* Cơ thể bị suy nhược, táo bón không dùng được, dùng liều cao gây buồn nôn, nhức đầu, khi ngừng thuốc sẽ tự hết các triệu chứng trên.

- *Đơn thuốc có Khổ sâm:* Chữa lỵ, đau bụng đi ngoài: Lá Khổ sâm, lá Phèn đen mỗi thứ một nắm, sắc uống. Hoặc lá Khổ sâm, rau Sam, cỏ Sữa, Nhọ nồi, lá Mơ lông, mỗi vị 10g sắc uống ngày 1 thang.

https://trungtamthuoc.com/

8. MƠ TAM THỂ

- *Tên khoa học:* Paederia foetida L., Họ Cà phê - Rubiaceae

- *Tên khác:* Dây Mơ lông, dây Mơ tròn, Thối địt, Ngưu bì đồng, Đại chúng diệp.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Mơ tam thể thuộc loại dây leo, có nhiều lông, lá mọc đối hình trứng hay mũi mác dài, mặt lá thường lốm đốm vàng. Hoa tím nhạt. Cây mọc hoang nhiều nơi trong cả nước.



MƠ TAM THỂ
Paederia foetida L.
Họ Cà phê - Rubiaceae

https://trungtamthuoc.com/

- *Cách trồng:* Trồng quanh năm nhưng tốt nhất vào vụ đông xuân. Thường trồng bằng 1 đoạn dây bánh tẻ dài 30-50cm.

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Dùng lá tươi.

- *Công dụng, chủ trị:* Chữa ly trực trùng, sôi bụng, ăn không tiêu, viêm dạ dày, viêm ruột, làm gia vị giúp tiêu hóa dễ dàng.

- *Liều dùng:* Mỗi lần dùng 30-50g.

- *Đơn thuốc chữa ly trực trùng thể nhẹ và vừa:* Cỏ Sữa 250g, Mơ tam thể 300g, hạt Cau già 100g, Chỉ xác 100g, vỏ Vối 50g, Rau má 200g. Các vị phơi khô, tán bột, thêm bột mịn vừa đủ, dập thành 5.000 viên. Người lớn 1 ngày uống 15 viên, chia 2 lần, trẻ em 1 ngày uống 10-15 viên, chia 2 lần. Uống với nước ấm.

https://trungtamthuoc.com/

9. GỪNG

- *Tên khoa học:* Zingiber officinal Rosc., Họ Gừng - Zingiberaceae

- *Tên khác:* Khương, Sinh khương, Can khương.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Gừng là một loại cây nhỏ, sống lâu năm. Thân rễ mẫm lên thành củ, lâu dần thành xơ. Lá mọc so le không cuống, có bẹ, hình mác dài 15-20cm, mặt bóng nhẵn, gân giữa hơi trắng nhạt, vỏ có mùi thơm. Trục hoa xuất phát từ gốc, cụm hoa thành bông mọc sát nhau. Loại Gừng trồng ít ra hoa. Được trồng khắp nơi trong cả nước.



GỪNG
Zingiber officinal Rosc.
Họ Gừng - Zingiberaceae

https://trungtamthuoc.com/

- *Cách trồng:* Trồng bằng thân rễ, có nhiều mấu không giập nát.

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Dùng thân rễ của Gừng tươi hoặc khô. Sinh khương là thân rễ tươi. Can khương là thân rễ khô.

- *Công dụng, chủ trị:* Có vị cay, nóng ấm. Có tác dụng làm nóng ấm, ra mồ hôi. Gừng giúp cho sự tiêu hóa, dùng trong những trường hợp kém ăn, ăn uống không tiêu, nôn mửa, đi ỉa lỏng, say tàu xe, cảm mạo phong hàn, chữa ho mất tiếng.

- *Liều dùng:* Gừng tươi (Sinh khương) 3-6g dưới dạng thuốc sắc. Rượu Gừng tươi mỗi ngày uống 2-5ml. Gừng khô (Can khương) dùng 3-6g khi bị lạnh mà đau bụng đi ỉa lỏng, mệt lả, nôn mửa.

- *Chú ý:* Không dùng Gừng khi đã ra nhiều mồ hôi, thang thuốc có Gừng không sắc lâu quá 15 phút.

- *Đơn thuốc chữa đau bụng ỉa chảy do lạnh:* Gừng 8g (nướng chảy vỏ), Riềng 12g (sao vàng), củ Sả (sao vàng), búp Ổi (sao vàng). Đổ 500ml nước sắc còn 200ml, chia 3 lần uống ấm trong ngày.

https://trungtamthuoc.com/

10. RIỀNG

- *Tên khoa học:* Alpinia officinarum Hance., Họ Gừng - Zingiberaceae

- *Tên khác:* Cao lương khương, Tiểu lương khương, Phong khương.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Là loại cỏ nhỏ, thân rễ mọc bò ngang, dài, hình trụ, đường kính 12-18mm, màu nâu đỏ, phủ nhiều vảy, chia thành nhiều đốt không đều nhau, màu trắng nhạt. Lá không cuống, có bẹ, hình mác dài. Cụm hoa hình chùy, mọc ở đầu cành. Quả hình cầu .có lông. Cây mọc hoang và được trồng ở khắp nơi, dùng làm thuốc và gia vị.



RIỀNG
Alpinia officinarum Hance.
Họ Gừng -Zingiberaceae

https://trungtamthuoc.com/

- *Cách trồng:* Trồng bằng thân rễ, chọn thân có nhiều mấu. Trước khi trồng nên ủ rơm, rạ cho nứt mầm.

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Dùng thân rễ phơi khô. Thu hoạch quanh năm, loại Riềng trồng thì thu hoạch vào tháng 7-10. Đào thân rễ, rửa sạch đất; cắt bỏ lá, rễ con, vảy lá, rồi cắt thành từng đoạn 2-3cm, phơi khô.

- *Công dụng, chủ trị:* Riềng có vị cay, tính nóng, có tác dụng tán hàn, giảm đau, tiêu thực, kích thích tiêu hóa, ăn ngon cơm, chữa đầy hơi, đau dạ dày, sốt rét, sốt nóng, đi lỏng do lạnh, nôn mửa. Có khi còn dùng nhai để chữa sâu răng.

- *Liều dùng:* Ngày dùng 3-6g dưới dạng thuốc sắc, thuốc bột hay rượu thuốc.

- *Chú ý:* Riềng chủ yếu dùng làm gia vị, giúp tiêu hóa với liều nhỏ. Dùng để chữa bệnh không dùng kéo dài.

- *Bài thuốc chữa ỉa chảy do lạnh:* Nụ Sim 8g, búp Ổi 60g, Riềng 20g sấy khô, tán bột. Ngày uống 3 lần, mỗi lần 5g với nước sôi để nguội.

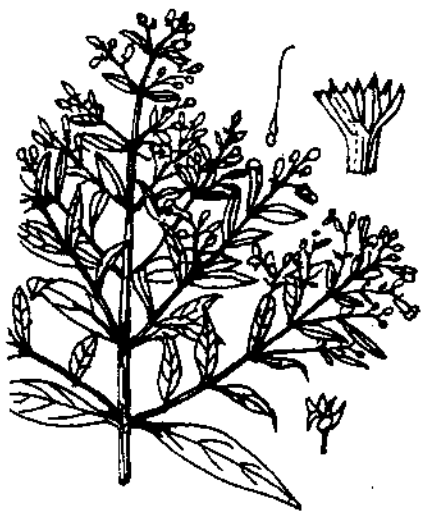
https://trungtamthuoc.com/

11. XUYÊN TÂM LIÊN

- *Tên khoa học:* Andrographis paniculata (Burm.f.) Nees, Họ Ô rô - Acanthaceae

- *Tên khác:* Nguyễn cộng, Công cộng, Lam khái liên, Khổ đảm thảo.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Loại cây nhỏ, mọc thẳng đứng, cao 0,3-0,8m, nhiều đốt, rất nhiều cành. Lá mọc đối, cuống ngắn, phiến lá hình trứng thuôn dài hay hơi mũi mác, hai đầu nhọn, mặt nhẵn. Hoa màu trắng điểm hồng, mọc thành chùm ở nách lá hay đầu cành. Cây mọc hoang dại và được trồng ở nhiều tỉnh miền Bắc để làm thuốc.



XUYÊN TÂM LIÊN
Andrographis paniculata(Burm .f.) Nees
Họ Ô rô - Acanthaceae

https://trungtamthuoc.com/

- *Cách trồng:* Trồng bằng hạt, trồng ở nơi đất tơi xốp.

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Dùng rễ hoặc toàn cây phơi khô, có nơi chỉ dùng cành lá phơi khô. Thu hái quanh năm, mùa hè dùng lá và phần trên mặt đất của cây, mùa thu đông dùng rễ và toàn cây.

- *Công dụng, chủ trị:* Vị đắng mát, thanh nhiệt, giải độc, tiêu thũng, giúp tiêu hóa. Chữa lỵ cấp tính, viêm ruột và dạ dày. Chữa viêm họng, viêm amidan, cảm mạo. Dùng ngoài chữa rắn độc cắn, đau nhức xương khớp. Ngoài ra còn dùng làm thuốc bổ cho phụ nữ sau đẻ.

- *Liều dùng:* Ngày uống 6-12g dưới dạng thuốc sắc, 2-4g dạng bột.

- *Chú ý:* Dễ gây nôn khi uống do vị thuốc đắng.

https://trungtamthuoc.com/

12. HOẮC HƯƠNG

- *Tên khoa học:* Pogostemon cablin Benth., Họ Hoa môi - Lamiaceae

- *Tên khác:* Quảng hoắc hương, Thổ hoắc hương.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Cây cỏ sống lâu năm, thân vuông màu nâu tím. Thân lá có lông, lá mọc đối, mép khía răng to. Hoa màu hồng tím nhạt, mọc thành bông ở kẽ lá hay đầu cành. Cây Hoắc hương được trồng nhiều ở miền Bắc nước ta, nhiều nhất tại Kim Sơn - Ninh Bình, Hưng Yên.



HOẮC HƯƠNG
Pogostemon cablin Benth.
Họ Hoa môi - Lamiaceae

https://trungtamthuoc.com/

- *Cách trồng:* Thường trồng bằng giâm cành, ưa đất ẩm thoát nước, nơi có bóng mát. Kém chịu hạn, úng, rét và sương muối.

- *Bộ phận dùng và chế biến:* Lá bánh tẻ, thu hái khi trời khô ráo. Lá đem phơi nắng nhỏ hoặc sấy nhẹ đến khô rồi thái nhỏ hoặc tán bột đựng vào lọ kín.

- *Công dụng, chủ trị:* Chữa cảm cúm nhức đầu, đau mỏi toàn thân, thuốc giúp tiêu hóa, mạnh dạ dày, đau bụng ỉa chảy.

- *Liều dùng:* Mỗi lần dùng 6-12g dưới dạng thuốc sắc, có thể tán bột dùng riêng hoặc dùng trong thang thuốc.

- *Chú ý:* Khi dùng vào thang thuốc nếu sắc lâu sẽ làm giảm tác dụng.

- *Đơn thuốc chữa ăn uống không tiêu, hay sôi bụng:* Hoắc hương 12g, Thạch xương bồ 12g, hoa Đại 12g, vỏ Bưởi đào đốt cháy 6g. Tán bột, trộn đều uống mỗi lần 2g trước khi ăn 20 phút với nước ấm, ngày 3 lần.

https://trungtamthuoc.com/

13. XẠ CAN

- *Tên khoa học:* Belamcanda sinensis (L.) DC, Họ La dơn - Iridaceae

- *Tên khác:* Cây Rẻ quạt.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Loại cỏ sống dai, thân rễ, mọc bò, thân có lá mọc thẳng đứng, hình mác, hơi có bẹ, dài 20-40cm, rộng 15-20mm. Cây mọc hoang khắp nơi ở Việt Nam hoặc trồng làm cảnh.



XẠ CAN
Belamcanda sinensis(L.) DC.
Họ La dơn - Iridaceae

https://trungtamthuoc.com/

- *Cách trồng:* Trồng quanh năm, tốt nhất vào mùa xuân. Trồng bằng mầm tách (nhánh con) từ cây mẹ.

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Toàn cây. Thân rễ và rễ rửa sạch, cắt bỏ rễ con, ngâm nước gạo 1-2 ngày cho mềm, thái mỏng, phơi hay sấy khô dùng dần.

- *Công dụng, chủ trị:* Xạ can có vị đắng, có tác dụng thanh hỏa, giải độc, tán huyết, tiêu đờm. Dùng để chữa viêm cổ họng, đau cổ, amidan có mủ.

- *Liều dùng:* Ngày dùng 3-6g dưới dạng thuốc sắc. Dùng tươi: Rửa sạch, giã với ít muối để ngậm 1-2 miếng nhỏ/ngày. Dùng khô: Tán bột uống với nước.

- *Chú ý:* Người bị ỉa chảy không dùng, nếu ngậm nhiều gây phồng rộp, đau rát họng.

- *Đơn thuốc chữa đau tắc cổ họng:* Xạ can 4g, Hoàng cầm 2g, Cát cánh 2g, Cam thảo 2g. Tán nhỏ uống với nước sôi để nguội.

https://trungtamthuoc.com/

14. HÚNG CHANH

- *Tên khoa học:* Plectranthus amboinicus (Lour) Spreng., Họ Hoa môi - Lamiaceae

- *Tên khác:* Rau Thơm lông, rau Tần, Tần dày lá.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Là loại cỏ, thân mọc đứng, có lông, lá có cuống, mọc đối, dày, mép lá khía tai bèo, mặt trên có lông đơn, mặt dưới lá có nhiều lông bài tiết, gân nổi rõ. Hoa màu tím đỏ, mọc thành cụm hoa. Toàn thân có mùi thơm như chanh. Cây được trồng khắp nơi ở Việt Nam.



HÚNG CHANH
Plectranthus amboinicus (Lour) Spreng.
Họ Hoa môi - Lamiaceae

https://trungtamthuoc.com/

- *Cách trồng:* Trồng bằng thân rễ hoặc cành bò sát đất có rễ vào mùa xuân.

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Dùng lá tươi, có thể phơi khô trong râm để dùng dần.

- *Công dụng, chủ trị:*

+ Chữa cảm cúm: Phối hợp với các thứ lá khác để nấu nước xông, điều trị cảm cúm.

+ Chữa ho, viêm họng, khản tiếng: Lá tươi ngậm với muối nuốt dần hoặc giã nhỏ với nước uống dần. Lá tươi giã nhỏ với muối đắp vết thương do côn trùng như bọ cạp, rết... cắn.

- *Liều dùng:* Mỗi lần dùng 8-12g. Nấu nước xông liều gấp 3 lần.

- *Bài thuốc chữa ho viêm họng:* Dùng 5-7 lá Húng chanh, rửa sạch, ngâm nước muối. Sau đó nhai, nuốt nước dần, dùng nhiều lần trong ngày.

https://trungtamthuoc.com/

15. BẠCH HOA XÀ

- *Tên khoa học:* Plumbago zeylanica L., Họ Đuôi công - Plumbaginaceae

- *Tên khác:* Bạch tuyết hoa, cây Chiến, cây Đuôi công.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Là loại cỏ cao 0,6-0,7m, có thân rễ, thân có đốt và nhẵn. Lá mọc so le, mép nguyên, không có lông, mặt dưới hơi trắng nhạt, hoa nhỏ màu trắng, mọc thành chùm. Cây mọc hoang khắp nơi trong cả nước.



BẠCH HOA XÀ
Plumbago zeylanica L.
Họ Đuôi công - Plumbaginaceae

https://trungtamthuoc.com/

- *Cách trồng:* Trồng bằng cây con vào mùa xuân.

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Thường dùng rễ tươi hoặc lá tươi. Giã nát rễ hoặc lá tươi, cho thêm ít muối, thêm lá Dâm bụt hoặc củ Khoai sọ sống (trọng lượng bằng nhau), giã nát trộn đều đắp lên vết thương, vết loét, nơi sưng tấy, chốc đầu, chàm (ngày 1-2 lần, mỗi lần 10-15 phút).

- *Công dụng, liều dùng:* Chữa các bệnh ngoài da, vết thương, vết loét, mụn nhọt sưng tấy chưa có mủ, chữa ghẻ và chữa rắn độc cắn (giã đắp, cấm uống).

- *Liều dùng:* Tùy theo diện tích viêm tấy mà tăng giảm liều lượng thuốc. Dùng nước rễ Bạch hoa xà sắc đặc để bôi chữa ghẻ.

- *Chú ý:*

+ Rễ cây có chất Plumbagin mùi hắc và gây xung huyết da, gây bỏng da, vì vậy khi đắp lên vết thương nếu thấy chỗ đắp nóng rát thì phải bỏ ra ngay.

+ Không dùng cho phụ nữ có thai bằng đường uống. Thuốc gây sảy thai.

- *Cây dễ nhầm lẫn:* Lá Bạch hoa xà mới nhìn dễ nhầm với lá cây Hoa nhài, nhưng lá cây Nhài gân phụ mặt dưới có lông, lá Bạch hoa xà không có lông.

- *Đơn thuốc có Bạch hoa xà chữa bong gân, da thịt bầm tím, đau nhức cơ xương khớp:* Rễ Bạch hoa xà 10-15g, đun sôi kỹ trong 4 giờ, lấy nước uống, có thể ngâm với rượu để bóp ngoài.

https://trungtamthuoc.com/

16. BẠCH HẠC

- *Tên khoa học:* Rhinacanthus nasuta (L.) Kurz, Họ Ô rô - Acanthaceae

- *Tên khác:* Nam uy linh tiên, Kiến cò, cây Lác, Thuốc lá nhỏ lá.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Cây nhỡ cao 1,5m, thân mọc thẳng đứng, có nhiều cành, lá hình trứng thuôn dài, mặt trên lá nhẵn, mặt dưới hơi có lông mịn, hoa màu trắng, cánh xòe như Hạc đang bay nên gọi là Bạch hạc. Cây mọc hoang ở các tỉnh phía Bắc.



BẠCH HẠC
Rhinacanthus nasuta(L.) Kurz.
Họ Ô rô - Acanthaceae

https://trungtamthuoc.com/

- *Cách trồng:* Trồng bằng gốc rễ vào vụ đông xuân.

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Dùng rễ, thân, lá tươi hoặc phơi khô, có thể thu hái quanh năm nhưng tốt nhất vào vụ thu đông.

- *Công dụng, chủ trị:*

+ Dùng rễ chữa bệnh hắc lào và một số bệnh ngoài da như chốc lở, bệnh mụn rộp loang vòng, êczêma mãn tính.

+ Lá có tác dụng tiêu phù, chữa khí hư, bạch đới, phong thấp, tê dại, đau lưng, nhức gân xương.

- *Liều dùng:*

+ 6-12g. Dùng rễ tươi hay khô giã nhỏ ngâm rượu 7-10 ngày để bôi lên chỗ hắc lào. Có thể nấu cao lỏng để dùng.

+ Chữa phong thấp, đau lưng, nhức xương: Rễ Uy linh tiên 6-12g, nước 400ml, sắc còn 150ml. Chia 2 lần uống trong ngày.

- *Chú ý:* Phụ nữ mới sinh con, cơ thể yếu phải thận trọng khi dùng.

https://trungtamthuoc.com/

17. MUỒNG TRÂU

- *Tên khoa học:* Cassia alata L., Họ Đậu - Fabaceae

- *Tên khác:* Trong bhang, Ana draobhao, Muồng lác...

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Cây nhỡ cao khoảng 1,5m, lá kép lông chim. Hoa mọc thành bông màu vàng ở kẽ lá và ngọn thân. Cây mọc hoang và được trồng ở nhiều nơi, nhiều nhất ở miền Nam, miền Trung và miền Bắc ở tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh.

- *Cách trồng:* Trồng bằng hạt hoặc giâm cành vào mùa xuân.

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Lá, hạt phơi hay sấy khô. Ngoài ra còn dùng cành và rễ.

- *Công dụng, chủ trị:*

+ Chữa táo bón, phù thũng, đau gan vàng da: Dùng lá, cành, rễ sao vàng sắc uống thường xuyên như nước chè.

+ Chữa hắc lào, ghẻ: Dùng lá tươi giã nát với ít muối xát vào vết ghẻ, hoặc lấy nước cốt bôi lên chỗ bị hắc lào, ghẻ.

- *Liều dùng:*

+ Dùng 6-12g, dưới dạng thuốc sắc. Liều lượng thuốc đắp, hoặc bôi ngoài tùy theo vết thương mà dùng.

https://trungtamthuoc.com/



MUỒNG TRÂU

Cassia alata L.

Họ Đậu - Fabaceae

https://trungtamthuoc.com/

+ Bột lá, bột thân cành uống hàng ngày 4-8g có tác dụng nhuận tràng, liều 10-12g thường dùng để xổ. Hạt sao vàng: 4-5g có tác dụng nhuận tràng, 8-10g có tác dụng xổ.

18. ĐƠN LÁ ĐỎ

- *Tên khoa học:* Excoecaria cochinchinensis Lour., Họ Thầu dầu - Euphorbiaceae

- *Tên khác:* Đơn tía, Đơn đỏ, Đơn mặt trời.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Cây nhỏ, cao 0,7-1,5m. Thân nhỏ màu tía, lá mọc đối, mặt trên màu lục sẫm, mặt dưới màu đỏ tía, mép có răng cưa. Hoa mọc thành bông ở kẽ lá hay đầu cành. Cây mọc hoang và trồng ở nhiều nơi để làm cảnh và lấy lá non, cành non làm thuốc.



ĐƠN LÁ ĐỎ
Excoecaria cochinchinensis Lour.
Họ Thầu dầu - Euphorbiaceae

https://trungtamthuoc.com/

- *Cách trồng:* Trồng bằng hạt vào vụ đông xuân.

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Lá thu hái quanh năm, phơi khô hay sao vàng.

- *Công dụng, chủ trị:* Chữa mụn nhọt, mẩn ngứa, zona và đi ỉa lỏng lâu ngày.

- *Liều dùng:* Ngày dùng từ 15-20g lá tươi, dưới dạng thuốc sắc.

Điều trị zona, mẩn ngứa, mất ngủ dùng 40g lá tươi sao vàng, sắc uống.

Điều trị ỉa lỏng lâu ngày dùng 15g lá tươi và Gừng tươi nướng, sao vàng, sắc uống.

- *Chú ý:* Có 29 loại cây mang tên Đơn, mỗi địa phương có tên gọi và cách dùng khác nhau. Cần phân biệt với cây Đơn lá đỏ khi sử dụng.

- *Bài thuốc chữa mẩn ngứa, mụn nhọt:* Cành và lá Đơn lá đỏ 20-30g, Thài lài, Bầu đất tía, lá Đậu ván tía mỗi loại 12-15g, sắc uống ngày 3 lần.

https://trungtamthuoc.com/

19. SÀI ĐẤT

- *Tên khoa học:* Wedelia chinensis (Osbeck) Merr., Họ Cúc - Asteraceae

- *Tên khác:* Húng trám, Ngổ núi, Cúc nháp, Hoa múc.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Loại cỏ sống dai, mọc lan bò, thân mọc lan tới đâu rễ mọc tới đấy. Thân màu xanh có lông trắng, cứng, nhỏ. Lá gần như không cuống, mọc đối, hình bầu dục thon dài 2 đầu nhọn, có lông nhỏ cứng ở cả hai mặt. Cụm hoa hình đầu, cánh hoa màu vàng tươi. Cây mọc hoang ở nhiều tỉnh trong cả nước.



SÀI ĐẤT
Wedelia chinensis (Osbeck) Merr.
Họ Cúc - Asteraceae

https://trungtamthuoc.com/

- *Cách trồng:* Cắt thân thành từng đoạn dài 20-30cm, vùi 2/3 xuống đất, sau 15-20 ngày cây sẽ mọc tốt.

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Dùng cây tươi hoặc khô. Thu hoạch quanh năm, tốt nhất vào tháng 4-5, lúc cây đang ra hoa, cắt sát gốc; tưới nước, bón phân sau 15 ngày lại thu hoạch được.

- *Công dụng, chủ trị:*

+ Tiêu độc, chữa viêm tấy ngoài da, mụn nhọt, bắp chuối, sưng vú, rôm sảy, chốc đầu, đau mắt.

+ Chữa cảm sốt, uống phòng sởi biến chứng.

- *Liều dùng:* Dùng tươi: ngày uống 100g. Giã cây tươi với ít muối, thêm 100ml nước đun sôi để nguội, vắt lấy nước chia 2 lần uống trong ngày. Bã đắp lên nơi sưng đau.

Dùng khô: ngày dùng 50g, sắc với 500ml nước, lấy 200ml, chia 2 lần uống trong ngày.

- *Cây dễ nhầm:* Cây Sài đất dễ nhầm với cây Lỗ địa cúc. Cây Lỗ địa cúc có lá ngắn hơn, hoa màu vàng nhạt, quả bé không có lông và không thu hẹp ở đầu, không có vòng lồi lên, đầu cụt.

https://trungtamthuoc.com/

20. BỒ CÔNG ANH

- *Tên khoa học:* Lactuca indica L., Họ Cúc - Asteraceae

- *Tên khác:* Rau Bồ cóc, Diếp hoang, Diếp dại, Mũi mác, Diếp trời.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Cây nhỏ cao 0,6-1,0m, thân mọc thẳng, nhẵn, không cành. Lá dài 30cm rộng 5-6cm, mép có răng cưa thưa. Bấm vào lá và thân đều thấy tiết ra nhũ dịch màu trắng đục như sữa. Bồ công anh mọc hoang nhiều ở các tỉnh phía Bắc.



BỒ CÔNG ANH
Lactuca indica L.
Họ Cúc - Asteraceae

https://trungtamthuoc.com/

- *Cách trồng:* Trồng bằng hạt, trồng vào tháng 3-4 hoặc tháng 9-10. Có thể trồng bằng mấu gốc, sau 4 tháng là thu hoạch được.

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Thường dùng lá, thu hoạch lá về dùng tươi hay phơi hoặc sấy khô, dùng tươi tốt hơn. Cũng có thể dùng cả cây bỏ rễ, cắt nhỏ, phơi khô để dùng.

- *Công dụng, chủ trị:* Tác dụng tiêu độc, chữa bệnh sưng vú, tắc tia sữa, mụn nhọt đang sưng mủ. Còn dùng uống để chữa bệnh đau dạ dày, ăn kém tiêu.

- *Liều dùng:* Dùng 10-15g lá khô dạng thuốc sắc. Dùng 20-40g lá tươi giã với ít muối, vắt nước cốt uống, bã đắp chỗ viêm tấy.

- *Đơn thuốc có Bồ công anh:*

+ Chữa sưng vú, tắc tia sữa: 20-40g lá tươi, rửa sạch, thêm ít muối, giã nát, vắt lấy nước uống, bã đắp lên chỗ vú sưng đau, ngày 1-2 lần. Hoặc Bồ công anh 120g, Sài đất 80g, lá Quýt hôi 40g, nước 600ml sắc còn 200ml, chia 2 lần uống sáng và tối.

+ Chữa đau dạ dày: Bồ công anh 20g, lá Khôi 15g, lá Khổ sâm 10g, nước 300ml, đun sôi 15 phút, thêm chút đường đủ ngọt, uống 1 ngày 1 thang. Uống đợt 10 ngày, nghỉ 3 ngày rồi uống tiếp, uống đến khi khỏi bệnh.

https://trungtamthuoc.com/

21. KÉ ĐẦU NGỰA

- *Tên khoa học:* Xanthium strumarium L., Họ Cúc - Asteraceae

- *Tên khác:* Thương nhĩ, Phắt ma.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Cây nhỏ, cao độ 2m, thân có khía rãnh. Lá mọc so le, có lông ngắn, cứng, mép răng cưa. Cụm hoa hình đầu, quả giả hình thoi, có móc. Cây mọc hoang khắp nơi trong cả nước.



KÉ ĐẦU NGỰA
Xanthium strumarium L.
Họ Cúc - Asteraceae

https://trungtamthuoc.com/

- *Cách trồng:* Trồng bằng hạt vào mùa xuân, cây mọc cao 6-7cm đánh trồng chỗ khác.

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Quả Ké sao vàng. Dùng toàn bộ phần trên mặt đất của cây phơi hay sấy khô.

- *Công dụng, chủ trị:* Ké có vị ngọt, tính ôn, làm ra mồ hôi, tán phong, chữa đau nhức tê dại, mờ mắt, viêm mũi, chân tay co rút. Tiêu độc, mụn nhọt, lở loét và chữa bướu cổ.

- *Liều dùng:* Quả Ké sao vàng 4-8g, dưới dạng thuốc sắc.

- *Chú ý:* Uống nước sắc quả Ké phải kiêng thịt lợn vì gây dị ứng nổi quầng đỏ (chưa rõ nguyên nhân).

- *Đơn thuốc có Ké:*

+ Chữa mũi chảy nước trong: Quả Ké sao vàng, tán bột, uống 4-8g/ngày.

+ Chữa thủy thũng, bí tiểu tiện: Quả Ké (đốt tồn tính); Đình lịch tử. Hai vị bằng nhau, tán bột. Uống với nước, ngày 2 lần, mỗi lần 8g.

+ Chữa phong thấp mẩn ngứa: Lá Ké tán bột 8g, uống với rượu ngâm Đậu đen.

+ Chữa các chứng phong ngứa dị ứng: Ké đầu ngựa 15g, hoa Kinh giới 10g, Muồng trâu 10g, cỏ Mần trầu 15g, Cam thảo đất 10g, Bạc hà 10g, Bèo cái 15g, lá Nghể 10g, sắc với 3 bát nước, lấy 1 bát, uống 1 thang/ngày.

https://trungtamthuoc.com/

22. KIM NGÂN

- *Tên khoa học:* Lonicera japonica Thumb., Họ Kim ngân - Caprifoliaceae

- *Tên khác:* Nhẫn đông (có 6 loại Kim ngân khác nhau).

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Loại cây mọc leo, thân có thể vươn dài tới 10m hay hơn. Cành lúc còn non màu lục nhạt, có phủ lông mịn. Cành già chuyển màu nâu đỏ nhạt, nhẵn. Lá mọc đối, đôi khi mọc vòng 3 lá một, hình trứng dài. Hoa hình ống xẻ 2 môi, môi lớn lại xẻ thành 3 hay 4 thùy nhỏ, lúc đầu màu trắng, sau khi nở một thời gian chuyển màu vàng. Kim ngân là một loại cây mọc hoang tại nhiều tỉnh vùng núi nước ta, nhiều nhất ở Cao Bằng, Lạng Sơn, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Bắc Thái, Quảng Ninh, Phú Thọ.



KIM NGÂN
Lonicera japonica Thumb.
Họ Kim ngân - Caprifoliaceae

https://trungtamthuoc.com/

- *Cách trồng:* Trồng bằng giâm cành. Cắt những cành bánh tẻ khoanh tròn, chôn xuống đất, để nổi đoạn sau cùng, tưới nước đều thời kỳ đầu. Tốt nhất trồng vào tháng 2-3 và 9-10. Trồng ở bờ rào làm thuốc và làm cảnh.

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Nụ hoa phơi hay sấy khô, cành và lá phơi hay sấy khô. Hái hoa khi sắp nở hoặc mới nở, màu còn trắng, chưa chuyển vàng là tốt.

- *Công dụng, chủ trị:* Dùng chữa mụn nhọt, các chứng ngứa, lở, dị ứng, rôm sẩy, lên đậu, lên sởi, tả lỵ.

- *Liều dùng:* Dùng 4-6g hoa hay 10-12g lá, dạng thuốc sắc. Có thể dùng dạng thuốc cao hay rượu thuốc.

- *Chú ý:* Cần chú ý phân biệt cây Kim ngân với cây Lá ngón (rất độc) vì có màu dây và lá tương tự.

- *Đơn thuốc có Kim ngân:*

Thuốc tiêu độc trị mẩn ngứa, mụn nhọt, ban sởi: Kim ngân hoa 20g, Ké đầu ngựa 15g, lá Dâu 20g. Nước 600ml sắc còn 200ml uống một lần. Ngày uống 3 lần, uống đến khỏi (nếu là Kim ngân dây dùng liều 30g).

https://trungtamthuoc.com/

23. MẦN TƯỚI

- *Tên khoa học:* Eupatorium fortunei Turcz., Họ Cúc - Asteraceae

- *Tên khác:* Hương thảo, Lan thảo, Trạch lan.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Là loại cỏ cao 0,5-1,0m; cành phân nhiều nhánh, thân và cành nhẵn, màu hơi tím. Lá mọc đối, phiến lá hẹp, mép có răng cưa. Cụm hoa hình đầu, màu hơi tím, mọc ở đầu cành hay kẽ lá thành xim 2 ngả. Cây mọc hoang và được trồng nhiều nơi ở nước ta.



MẦN TƯỚI
Eupatorium fortunei Turcz.
Họ Cúc - Asteraceae

https://trungtamthuoc.com/

- *Cách trồng:* Cắt thành đoạn dài 20-30cm, cắm xuống đất hơi nghiêng, để 2-3 đốt chìm dưới đất, sau 5-10 ngày cây sẽ bén rễ.

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Thân, lá hoặc toàn cây, dùng tươi hay phơi khô trong mát để dùng dần.

- *Công dụng và chủ trị:*

+ Trừ bọ gà, mạt gà, bọ chét, rệp, mọt, chấy, rận.

+ Chữa kinh nguyệt không đều, các chứng đau bụng huyết ứ, sau đẻ máu hôi không sạch.

+ Chữa mụn nhọt, chốc lở, chấn thương.

- *Liều dùng:* Mỗi lần dùng 10-20g khô hoặc 50-150g tươi, dạng thuốc sắc. Lá tươi giã nát với ít muối đắp chỗ sưng đau. Dùng lá tươi rải vào ổ chó, ổ gà và giường để diệt bọ, mạt, rệp.

- *Đơn thuốc có Mần tưới:*

+ Đắp chỗ sưng tấy, mụn nhọt chưa có mủ, chấn thương bầm dập: Mần tưới lá tươi 1 nắm (40g) giã nát với muối đắp chỗ đau ngày 1-2 lần.

+ Xua muỗi, dĩn, vắt... khi đi rừng: Giã nát lá Mần tưới, bọc vải, xoa xát chân tay vùng da hở, tẩm nước Mần tưới vào xà cạp... có tác dụng chống muỗi, vắt trong 3 giờ.

https://trungtamthuoc.com/

24. SẮN DÂY

- *Tên khoa học:* Pueraria thomsonii Benth., Họ Đậu - Fabaceae

- *Tên khác:* Cát căn, Cam cát căn, Phấn cát, củ Sắn dây.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Loại cây leo, dài tới 10m, rễ phát triển to lên thành củ. Thân cây hơi có lông, lá kép, gồm 3 lá chét. Hoa màu tím nhạt, mọc thành chùm ở kẽ lá. Quả giáp màu vàng nhạt, rất nhiều lông. Cây được trồng ở khắp nơi để lấy củ ăn và chế bột Sắn dây làm thuốc.



SẮN DÂY
Pueraria thomsonii Benth.
Họ Đậu - Fabaceae

https://trungtamthuoc.com/

- *Cách trồng:* Trồng vào đầu mùa xuân bằng dây bánh tẻ. Khi trồng đào hố sâu rồi bỏ mùn rác, lấp đất. Lấy đoạn dây dài 50-80cm, có nhiều mắt, khoanh tròn, đặt vào hố và lấp thêm một lượt đất, ấn chặt, tưới nước cho đến khi mọc dây leo. Cây không ưa nước, thích nơi ẩm mát. Thường trồng quanh bờ rào để tận dụng đất.

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Dùng củ. Thu hoạch vào vụ đông xuân, thái miếng, sấy Diêm sinh, phơi khô hoặc mài củ tươi lấy bột.

- *Công dụng, chủ trị:* Sắn dây có vị ngọt, không độc, tác dụng giảm sốt, làm ra mồ hôi, chữa bệnh sốt khát nước, đau cơ, nhức đầu, ỉy ra máu. Hoa tươi sắc uống giã say rượu.

- *Liều dùng:* Ngày dùng 8-20g dưới dạng thuốc sắc. Sắn dây dùng riêng hay có thể phối hợp với các vị thuốc khác.

- *Chú ý:* Bột sắn dây dùng làm thực phẩm, giải khát, giải độc, được dùng rộng rãi trong nhân dân. Khi dùng trong các thang thuốc chữa ỉa lỏng nên sao vàng rồi mới sắc.

- *Bài thuốc chữa cảm mạo:* Sắn dây 8g, Ma hoàng, Gừng, Đại táo, Quế chi, Bạch thược, Cam thảo mỗi vị 5g, nước 600ml, sắc còn 200ml, chia 3 lần uống trong ngày.

- *Chữa rắn cắn:* Lá Sắn dây 1 nắm giã nhỏ, vắt nước uống, bã đắp vết thương (sau khi đã xử lý vết thương).

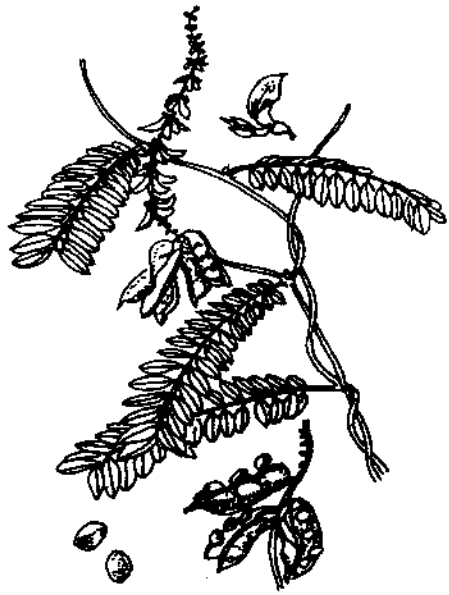
https://trungtamthuoc.com/

25. CAM THẢO DÂY

- *Tên khoa học:* Abrus precatorius L., Họ Đậu - Fabaceae

- *Tên khác:* Dây Cườm, dây Chi chi, Tương tư đậu, Tương tư tử.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Loại dây leo, thân quấn, phân nhiều nhánh nhỏ. Lá kép lông chim. Hoa màu hồng, mọc thành chùm nhỏ ở kẽ lá hay đầu cành, cánh hoa hình cánh bướm. Cây mọc hoang và được trồng ở khắp nơi.



CAM THẢO DÂY
Abrus precatorius L.
Họ Đậu - Fabaceae

https://trungtamthuoc.com/

- *Cách trồng:* Trồng bằng dây hay hạt. Trồng vào mùa xuân.

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Dùng rễ, thân và lá, thu hái lúc cây chớm ra hoa, phơi khô.

- *Công dụng, chủ trị:* Thuốc có vị ngọt mát, dùng để chữa ho, giảm nhiệt, giải độc, trị vàng da do viêm gan siêu vi trùng.

- *Liều dùng:* Mỗi lần dùng từ 8-16g, dưới dạng thuốc sắc, kết hợp với các vị thuốc khác.

- *Chú ý:* Hạt Cam thảo dây có màu đỏ đốm đen, có độc, không dùng làm thuốc.

- *Bài thuốc giải cảm ho*: Lá Cam thảo dây 8-10g, nước 450ml, sắc còn 150ml, chia 2-3 lần uống trong ngày.

https://trungtamthuoc.com/

26. TRẮC BÁCH DIỆP

- *Tên khoa học:* Platycladus orientalis (L.) Franco, Họ Hoàng đàn - Cupressaceae

- *Tên khác:* Bá tử nhân, Bách diệp.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Cây có thể cao 6-8m, thân phân nhiều nhánh trong những mặt thẳng đứng làm cho cây có dáng đặc biệt. Lá mọc đối, dẹp hình vảy. Hạt hình trứng, không có cạnh, màu nâu sẫm. Cây được trồng khắp nơi dùng làm cảnh và làm thuốc.



TRẮC BÁCH DIỆP
Platycladus orientalis (L.) Franco
Họ Hoàng đàn - Cupressaceae

https://trungtamthuoc.com/

- *Cách trồng:* Trồng bằng hạt, đánh cây con để trồng.

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Cành và lá phơi hay sấy khô. Lá thu hái quanh năm, hái cả cành cắt bỏ cành to, phơi khô trong mát. Hạt Trắc bách diệp thu hái vào mùa thu đông, phơi khô, xát bỏ vảy ngoài, lấy nhân phơi khô.

- *Công dụng, chủ trị:* Vị đắng, chát, mát. Có tác dụng mát huyết, cầm máu. Chữa thổ huyết, chảy máu cam, ho ra máu, lỵ ra máu, tử cung xuất huyết, xích bạch đới, chữa ho, sốt và lợi tiểu. Hạt Trắc bách (Bá tử nhân) chữa hồi hộp, mất ngủ, hay quên, người yếu, ra mồ hôi, táo bón.

- *Liều dùng:* Dùng liều 6-12g, dạng thuốc sắc.

- *Chú ý:* Người đi ỉa lỏng, nhiều đờm cấm dùng Bá tử nhân.

- *Bài thuốc cầm máu:* Trắc bách diệp 16g, lá và hoa Kinh giới 16g. Tất cả sao cháy, đổ 300ml nước, sắc còn 150ml uống một lần. Ngày có thể dùng 2-3 lần.

- *Chữa chảy máu cam:* Trắc bách diệp sao cháy 16g, rau Má sao vàng 16g, nước 450ml, sắc còn 150ml, uống một lần, ngày dùng 2-3 lần.

https://trungtamthuoc.com/

27. CỎ NHỌ NỒI

- *Tên khoa học:* Ecliptaprostrata (L.)L., Họ Cúc - Asteraceae

- *Tên khác:* Cây cỏ mực, Hạn liên thảo.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Loại cỏ mọc thẳng đứng, có thể cao tới 80cm, thân có lông cứng. Lá thon dài mọc đối, có lông ở hai mặt, dài 2-8cm, rộng 5-15mm. Cụm hoa hình đầu màu trắng mọc ở kẽ lá hoặc đầu cành. Cây mọc hoang khắp nơi ở nước ta.



CỎ NHỌ NỒI
Ecliptaprostrata (L.)L.
Họ Cúc - Asteraceae

https://trungtamthuoc.com/

- *Cách trồng:* Trồng bằng cây con do quả rụng xuống mọc thành cây.

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Dùng toàn cây tươi hoặc khô.

- *Công dụng, chủ trị:* Vị ngọt, mát, chát, tác dụng bổ âm, mát huyết, chữa lỵ ra máu. Cầm máu trong rong kinh, bị thương chảy máu hoặc chữa ho, hen, viêm họng.

- *Liều dùng:* Ngày dùng 6-12g dưới dạng thuốc sắc. Có thể giã cây cỏ Nhọ nồi vắt lấy nước uống.

- *Chú ý:* Dễ nhầm cây cỏ Nhọ nồi với cây rau Rệu.

- *Bài thuốc cầm máu:* Cỏ Nhọ nồi 16g, Ngải cứu 12g, nước 300ml, sắc còn 150ml uống một lần, ngày dùng 2-3 lần.

- *Chảy máu cam:* Cỏ Nhọ nồi 16g, lá Dâu 16g, nước 450ml, sắc còn 150ml, để nguội uống một lần, ngày dùng 2-3 lần.

https://trungtamthuoc.com/

28. HUYẾT DỤ

- *Tên khoa học:* Cordyline terminalis (L.) Kunth., Họ Thùa - Agavaceae

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Có hai loại Huyết dụ: loại lá đỏ cả hai mặt và loại lá một mặt đỏ một mặt xanh, cả hai loại đều dùng được nhưng loại lá đỏ hai mặt tốt hơn. Cây thuộc thảo, thân to bằng ngón tay, cao 1-2m. Toàn thân mang nhiều vết sẹo của lá đã rụng, chỉ có lá ở ngọn. Lá không cuống và hẹp. Hoa mọc thành chùm dài. Bầu có 3 ô, mỗi ô chứa 1 tiểu noãn, 1 vòi. Quả mọng có 1-2 hạt.



HUYẾT DỤ
Cordyline terminalis (L.) Kunth.
Họ Thùa - Agavaceae

https://trungtamthuoc.com/

- *Cách trồng:* Trồng bằng cây con.

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Dùng lá. Chủ yếu dùng tươi.

- *Công dụng, chủ trị:* Làm thuốc cầm máu, chữa lỵ, xích bạch đới.

- *Liều dùng:* Dùng 20-25g lá tươi dưới dạng thuốc sắc.

- *Chú ý:* Không nên dùng trước khi đẻ hoặc đẻ rồi mà còn sót nhau vì cổ tử cung sẽ co vít lại mà huyết vẫn không cầm.

- *Bài thuốc chữa đái ra máu, kiết lỵ:* Lá Huyết dụ tươi 60g đun nước uống. Nếu lá khô dùng 10g sắc uống.

https://trungtamthuoc.com/

29. MÃ ĐỀ

- *Tên khoa học:* Plantago major L., Họ Mã đề - Plantaginaceae

- *Tên khác:* Mã đề thảo, Xa tiền, Mã đề á.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Là loại cỏ sống lâu năm, thân nhẵn. Lá mọc thành cụm ở gốc, phiến lá hình thìa hay hình trứng, có gân dọc theo sống lá và đồng quy ở ngọn và gốc lá. Hoa mọc thành bông, có cán dài, xuất phát từ kẽ lá. Hoa lưỡng tính. Quả hộp, trong chứa nhiều hạt màu nâu đen bóng. Mã đề mọc hoang và được trồng ở khắp nước ta.



MÃ ĐỀ
Plantago major L.
Họ Mã đề - Plantaginaceae

https://trungtamthuoc.com/

- *Cách trồng:* Trồng bằng hạt chọn ở những cây khỏe; hạt nhẵn, đen. Thường trồng vào mùa xuân và mùa thu, tốt nhất vào mùa thu. Mã đề ưa đất tốt, ẩm vừa phải. Đất tốt cây rất to.

- *Bộ phận dùng, chế biến:*

+ Hạt phơi hay sấy khô gọi là Xa tiền tử.

+ Toàn cây bỏ rễ phơi hay sấy khô gọi là Xa tiền thảo.

+ Lá Mã đề để tươi hay phơi hoặc sấy khô.

- *Công dụng, chủ trị:* Tính mát, vị ngọt, tác dụng lợi tiểu, giải nhiệt ở gan, phổi. Được dùng làm thuốc thông tiểu, chữa ho lâu ngày, viêm amidal, viêm bàng quang, đau mắt đỏ.

- *Liều dùng:* Ngày dùng 6-12g, dạng thuốc sắc. Hạt gói trong bọc vải sắc cùng các vị thuốc khác.

- *Chú ý:* Không phải bệnh về nhiệt không dùng.

- *Đơn thuốc có Mã đề:*

+ Chữa ho, tiêu đờm: Mã đề 10g, Cam thảo 5g, Cát cánh 12g, đổ ngập nước, đun sôi 30 phút, chia làm 3 lần uống trong ngày.

+ Thông lợi tiểu: Hạt Mã đề 10g, Cam thảo 5g, nước 600ml, sắc trong 30 phút, dùng nước sắc uống thay nước trong này.

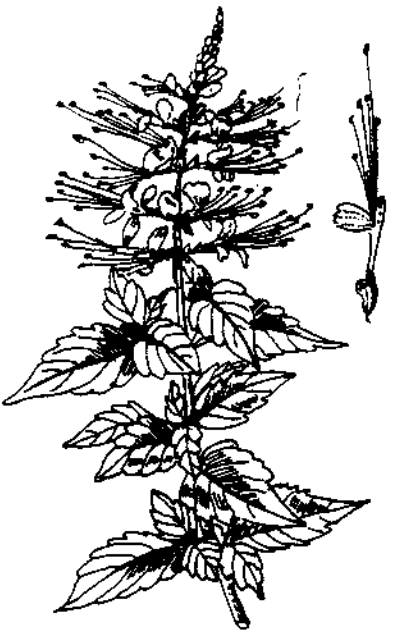
https://trungtamthuoc.com/

30. RÂU MÈO

- *Tên khoa học:* Orthisiphons spiralis (Lour) Merr., Họ Hoa môi - Lamiaceae

- *Tên khác:* Cây Bông bạc.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Cây nhỏ, cao 0,3-1,0m. Thân có cạnh vuông, mang nhiều cành. Lá mọc đối, cặp lá trước mọc thành chữ thập đối với cặp lá sau. Cuống lá rất ngắn. Cụm hoa tận cùng, thẳng, mọc thành chùm, màu hoa lúc non thì trắng, sau ngả màu tím. Nhị và nhụy hoa thò ra trông giống râu con mèo. Cây mọc hoang và được trồng nhiều nơi ở nước ta.



RÂU MÈO
Orthisiphons spiralis (Lour) Merr.
Họ Hoa môi - Lamiaceae

https://trungtamthuoc.com/

- *Cách trồng:* Trồng bằng hạt hay giâm cành.

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Lá và búp phơi hay sấy khô.

- *Công dụng, chủ trị:* Thông tiểu tiện, dùng trong viêm tiết niệu, bệnh sỏi thận, sỏi túi mật, tê thấp, phù.

- *Liều dùng:* Dùng 30-50g hãm với nửa lít nước sôi, chia 2 lần uống trong ngày trước khi ăn 15-30 phút. Uống nóng. Thường uống luôn trong 8 ngày, nghỉ 2-4 ngày; uống làm nhiều đợt chữa các chứng sỏi thận, sỏi mật.

- *Đơn thuốc có Râu mèo:*

+ Viêm thận phù thũng: Râu mèo, Mã đề, Bạch hoa xà thiệt thảo, mỗi vị 30g sắc uống. Chú ý phải kết hợp dùng thuốc kháng sinh của y học hiện đại đủ liều theo phác đồ.

+ Viêm đường tiết niệu: Râu mèo, Thài lài, Chó đẻ răng cưa, mỗi thứ 30g sắc uống.

https://trungtamthuoc.com/

31. CỐI XAY

- *Tên khoa học:* Abutilon indicum (L.) Sweet, Họ Bông - Malvaceae

- *Tên khác:* Cây Dằng xay, Kim hoa thảo, Nhĩ hương thảo, Ma mãnh thảo.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Cây mọc thành bụi, cao 1,0-1,5m. Toàn thân và các bộ phận của cây đều mang lông măng. Lá mềm, hình tim, đầu nhọn, dài và rộng chừng 10cm. Hoa mọc ở kẽ lá, đơn độc, màu vàng, cuống hoa dài bằng cuống lá. Đài 5 răng, không có tiểu đài, nhị nhiều. Nhuỵ gồm 20 lá noãn. Quả trông giống cái bánh xe hay cái cối xay. Cây mọc hoang ở khắp nơi trong cả nước.



CỐI XAY
Abutilon indicum (L.) Sweet
Họ Bông - Malvaceae

https://trungtamthuoc.com/

- *Cách trồng:* Trồng bằng hạt.

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Dùng lá, thân, rễ và quả tươi hay khô.

- *Công dụng, chủ trị:* Cối xay có vị ngọt, tính mát, có tác dụng giảm đau do cảm gió, thanh huyết nhiệt, có thể giải độc, lọc máu, khai khiếu, hoạt huyết. Chữa mụn nhọt, thông tiểu tiện, tiểu tiện đỏ, chữa sốt.

- *Liều dùng:* Ngày dùng 4-6g, dưới dạng thuốc sắc. Dùng lá giã đắp chữa mụn nhọt không kể liều lượng.

- *Chú ý:* Không dùng cho người bị ỉa lỏng, tiểu tiện trong nhiều, phụ nữ có thai cần thận trọng.

- *Đơn thuốc chữa kiết lỵ:* Quả Cối xay, hoa Mào gà mỗi thứ 30g, sắc uống ngày 3 lần cho đến hết triệu chứng.

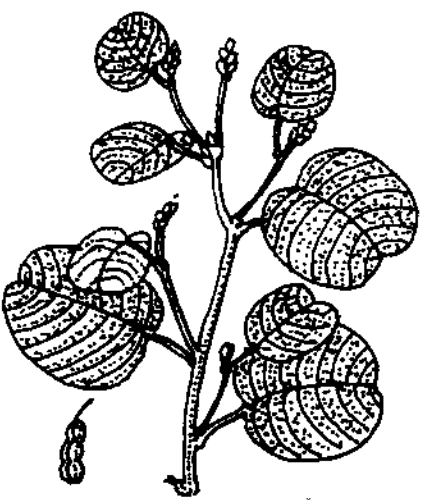
https://trungtamthuoc.com/

32. KIM TIỀN THẢO

- *Tên khoa học:* Desmodium styracifolium (Osb.) Merr., Họ Đậu - Fabaceae

- *Tên khác:* Mắt trâu, Đồng tiền lông, Vảy rồng, Mắt rồng.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Cây cỏ mọc bò, cao 30-50cm. Ngọn non dẹt và có phủ lông tơ, màu trắng. Lá mọc so le, gồm 1 hoặc 3 lá chét tròn, dài 1,8-3,4cm; rộng 2,5-3,5cm. Do đó có tên Đồng tiền, mặt dưới có lông trắng bạc, mặt trên có những đường gân rất rõ. Hoa màu tía, mọc thành chùm xim ở kẽ lá. Cây mọc hoang dại trên vùng đồi trung du, một số ít mọc ở vùng núi.



KIM TIỀN THẢO
Desmodium styracifolium (Osb.) Merr.
Họ Đậu - Fabaceae

https://trungtamthuoc.com/

- *Cách trồng:* Trồng bằng hạt.

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Dùng toàn cây tươi hay phơi hoặc sao khô. Thu hái chủ yếu vào mùa hè và thu.

- *Công dụng, chủ trị:* Lợi mật, thông tiểu tiện. Chữa sỏi mật, sỏi thận, sỏi bàng quang, phù thũng, viêm đường tiết niệu, khó tiêu.

- *Liều dùng:* Ngày dùng 10-30g, dạng thuốc sắc. Dùng riêng hoặc phối hợp với vị thuốc khác.

- *Chú ý:* Phụ nữ có thai không được dùng.

- *Đơn thuốc có Kim tiền thảo:*

+ Viêm đường tiết niệu: Kim tiền thảo 60g, Mã đề, Bòng bong, Kim ngân hoa, mỗi vị 15g sắc uống.

+ Viêm gan vàng da: Kim tiền thảo 60g sắc uống hàng ngày đến hết vàng da.

https://trungtamthuoc.com/

33. CỎ XƯỚC

- *Tên khoa học:* Achyranthes aspera L., Họ Rau dền - Amaranthaceae

- *Tên khác:* Ngưu tất nam.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Cỏ Xước thân mảnh, hơi vuông, thường chỉ cao 1m. Lá mọc đối, có cuống, phiến lá hình trứng, đầu nhọn, mép nguyên. Cụm hoa mọc thành bông ở đầu cành hoặc kẽ lá. Cỏ Xước mọc hoang khắp nơi trong cả nước.



CỎ XƯỚC
Achyranthes aspera L.
Họ Rau dền - Amaranthaceae

https://trungtamthuoc.com/

- *Cách trồng:* Trồng bằng rễ củ.

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Rễ củ, rửa sạch, để ráo nước, thái mỏng 1-2mm, sấy khô.

- *Công dụng, chủ trị:* Vị chua, đắng, tính bình, có tác dụng lưu thông huyết, bổ gan thận, mạnh gân cốt. Dùng trong bệnh viêm khớp, sau khi đẻ máu hôi không sạch. Còn có tác dụng giảm Cholesteron trong máu, chữa xơ vữa động mạch, huyết áp cao, chấn thương sưng đau tụ máu.

- *Liều dùng:* Ngày dùng 15-30g, dạng thuốc sắc.

- *Chú ý:* Có công dụng giống cây Ngưu tất được di thực vào nước ta (Hoài ngưu tất, Ngưu tất bắc).

https://trungtamthuoc.com/

34. CÀ GAI HOA TÍM

- *Tên khoa học:* Solanum indicum L., Họ Cà Solanaceae

- *Tên khác:* Cà dại hoa tím, Cà hoang, Cà gai.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Cây cỏ, có cành mọc đứng, thân và cành có gai và lông hình sao. Lá mọc so le, mặt trên xanh sẫm, mặt dưới trắng nhạt, phủ nhiều lông. Cả hai mặt lá đều có gai rải rác ở gân. Hoa màu tím xanh, phủ lông bên ngoài, mọc thành chùm ở kẽ lá. Quả tròn hình cầu màu vàng hay đỏ nhạt, nhẵn. Cây mọc hoang ở khắp nơi.



CÀ GAI HOA TÍM
Solanum indicum L.
Họ Cà - Solanaceae

https://trungtamthuoc.com/

- *Cách trồng:* Trồng bằng hạt ở những quả chín.

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Rễ, rửa sạch, thái mỏng, phơi hay sấy khô. Dùng hạt của những quả chín đỏ.

- *Công dụng, chủ trị:*

+ Rễ cây Cà gai hoa tím làm thuốc chữa ho, hen, sốt, lợi tiểu, có khi dùng để chống nôn và tẩy nhẹ.

+ Hạt đốt cháy cho lên khói đưa vào miệng để chữa đau răng và sâu răng. Than hạt còn lại giã nhỏ xát lên lợi chỗ đau răng.

- *Liều dùng:* Ngày uống 6-12g, dạng thuốc sắc.

- *Cây có tác dụng tương tự:* Cà gai leo - Solanum Procumbens Lour.

Là loại dây leo có nhiều gai, hoa tím, quả chín màu vàng như Cà gai. Hay thấy ở miền Trung và Nam Bộ, trong rễ có nhiều Ancaloid, còn dùng chữa rắn cắn, viêm gan B.

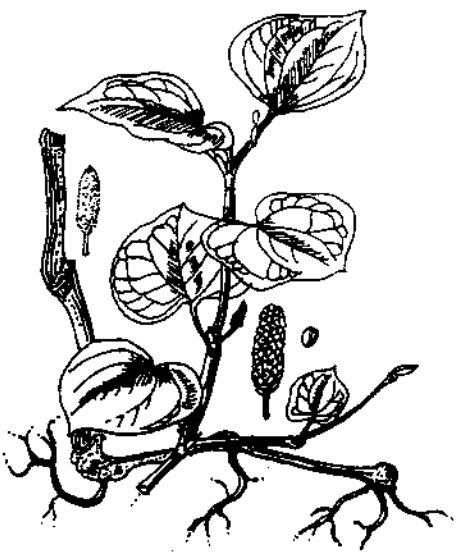
https://trungtamthuoc.com/

35. LÁ LỐT

- *Tên khoa học:* Piper lolot.C.DC., Họ Hồ tiêu - Piperaceae

- *Tên khác:* Ana kluả táo.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Loại cây mềm, mọc cao tới 1m, thân hơi có lông. Lá hình trứng rộng, phía gốc hình tim, đầu lá nhọn, soi lên có những điểm trong. Phiến lá dài, mặt trên nhẵn, mặt dưới hơi có lông ở gân, cuống dài. Cụm hoa mọc thành bông. Cây Lá lốt mọc hoang và được trồng tại nhiều nơi ở miền Bắc.



LÁ LỐT
Piper lolot. C.DC.
Họ Hồ tiêu - Piperaceae

https://trungtamthuoc.com/

- *Cách trồng:* Trồng bằng mẩu thân cắt thành từng khúc 20-25cm. Giâm vào nơi ẩm ướt dưới bóng cây.

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Dùng lá, thu hái quanh năm, có thể dùng thân, hoa hay rễ. Thường dùng tươi hoặc phơi khô.

- *Công dụng, chủ trị:* Dùng Lá lốt làm gia vị, thuốc chữa đau xương, thấp khớp, tê thấp, đổ mồ hôi tay chân, bệnh đi ngoài lỏng.

- *Liều dùng:* Ngày dùng 5-10g lá phơi khô hay 15-30g lá tươi. Sắc với nước, chia 2-3 lần uống trong ngày. Dùng dưới dạng thuốc sắc để ngâm chân tay hay đổ mồ hôi, ngâm đến khi nước nguội thì thôi.

- *Chú ý:* Lá lốt hơi giống lá Trầu không, lá Hồ tiêu và lá Trầu rừng.

- *Đơn thuốc có Lá lốt:*

+ Chữa đau lưng, sưng đau các khớp: Lá lốt, Ngải cứu, Hy thiêm thảo liều lượng bằng nhau giã nát, chưng nóng đắp chỗ sưng đau, ngày 2 lần.

+ Chữa đau sưng khớp: Lá lốt, Cỏ xước, Cốt khí củ, dây Đau xương mỗi thứ 15g, nước 600ml, sắc còn 200ml, chia uống 2 lần trong ngày.

https://trungtamthuoc.com/

36. HY THIÊM

- *Tên khoa học:* Siegesbeckia orientalis L., Họ Cúc - Asteraceae

- *Tên khác:* Cỏ đĩ, Chó đẻ, Hy thiêm thảo, Hy tiên, Hổ cao.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Loại cỏ cao 0,4-1,0m, có nhiều cành, có lông tuyến. Lá mọc đối, cuống ngắn, hình 3 cạnh, đầu lá nhọn, mép lá có răng cưa. Cụm hoa hình đầu, màu vàng, có hai loại lá bắc không đều nhau. Quả bé màu đen, hình trứng. Hoa có chất dính, khi đi qua hoa dính vào quần áo vì vậy còn gọi là Cỏ đĩ. Cây mọc hoang ở khắp các tỉnh trong cả nước ta.



HY THIÊM

Siegesbeckia orientalis L.

Họ Cúc - Asteraceae

https://trungtamthuoc.com/

- *Cách trồng:* Trồng từ cây non vào mùa xuân.

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Dùng toàn cây Hy thiêm phơi hay sấy khô, thu hái vào lúc cây chưa ra hoa.

- *Công dụng, chủ trị:* Hy thiêm vị đắng, tính mát, hơi có độc. Có tác dụng khử phong thấp, lợi gân cốt. Chữa chân tay tê dại, lưng mỏi, gối đau, phong thấp. Ngoài ra còn giã nát đắp tại chỗ bị nhọt độc, ong đốt, rắn cắn.

- *Liều dùng:* Ngày dùng 6-12g cây khô, dạng thuốc sắc. Có thể tăng liều đến 16g một ngày.

- *Chú ý:* Không phải phong thấp không nên dùng. Dùng tươi có thể gây nôn.

- Cây Hy thiêm dễ nhầm với cây Cứt lợn có hoa màu tím nhạt hay trắng.

- ***Đơn thuốc có Hy thiêm:***

+ Chữa bán thân bất toại, phong thấp tê bại chân tay: Lá, cành non sao vàng, tán bột, trộn mật ong, hoàn 5g/1 viên, uống ngày 2-3 lần, mỗi lần 1 viên.

+ Chữa mụn nhọt, hậu bối (nhọt sau lưng): Hy thiêm, Tỏi sống, cỏ Roi ngựa, mỗi thứ 5g. Giã nát, hoà trong một chén rượu ấm, vắt lấy nước uống, bã đắp vào mụn, nhọt. Ngày dùng 1-2 lần.

https://trungtamthuoc.com/

37. ĐINH LĂNG

- *Tên khoa học:* Polyscias fruticosa L.Harms., Họ Nhân sâm - Araliaceae

- *Tên khác:* Cây Gỏi cá, Nam dương sâm.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Loại cây nhỏ thân nhẵn không có gai, cao 0,8-1,0m. Lá kép 3 lần xẻ lông chim, không có lá kèm rõ. Lá chét có cuống gầy dài 3-10mm, phiến lá chét có răng cưa không đều, lá có mùi thơm. Cụm hoa hình chùy ngắn, gồm nhiều tán, mang nhiều hoa nhỏ, quả dẹt. Đinh lăng là cây được trồng phổ biến khắp nước ta.



ĐINH LĂNG
Polyscias fruticosa L. Harms.
Họ Nhân sâm - Araliaceae

https://trungtamthuoc.com/

- *Cách trồng:* Cây được trồng bằng thân.

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Dùng toàn bộ rễ hoặc vỏ rễ của cây đã trồng trên 3 năm. Còn dùng thân, cành và lá. Thu hái vào mùa xuân, dùng tươi hoặc phơi khô. Khi dùng tẩm nước gừng sao có mùi thơm.

- *Công dụng, chủ trị:*

+ Rễ làm thuốc bổ, lợi tiểu, cơ thể suy nhược, gầy yếu.

+ Lá chữa cảm sốt, giã nát đắp chữa mụn nhọt, sưng tấy.

+ Thân và cành chữa tê thấp, đau lưng.

- *Liều dùng:* Dùng rễ phơi khô, mỗi lần từ 1-4g; dùng thân, lá, cành mỗi lần từ 30-50g; dạng thuốc sắc hoặc ngâm rượu.

- *Chú ý:* Có 2 loại, Đinh lăng lá nhỏ và lá to, tác dụng như nhau.

- *Đơn thuốc có Đinh lăng:*

+ Mệt mỏi, không muốn hoạt động: Rễ củ Đinh lăng thái mỏng 15g, đun sôi 15 phút với 300ml nước, chia uống 2-3 lần trong ngày.

+ Chữa sưng đau cơ khớp, vết thương: Lấy 40g lá tươi giã nát, đắp vết thương, chỗ sưng đau.

https://trungtamthuoc.com/

38. CÂY DÂU

- *Tên khoa học:* Morus alba L.. Họ Dâu tằm - Moraceae

- *Tên khác:* Tầm tang, Mạy môn (Thổ), Dâu cang (Mèo).

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Cây Dâu thân gỗ có thể cao tới 15m. Lá mọc so le, hình bầu dục, nguyên hoặc chia thành 3 thùy, có lá kèm, đầu lá nhọn hay hơi tù, mép có răng cưa to. Hoa đơn tính, khác gốc, hoa đực mọc thành bông có 4 lá đài, 4 nhị; hoa cái cũng mọc thành bông hay thành khối hình cầu, có 4 lá đài. Quả bế bao bọc trong các lá đài mọng nước thành 1 quả phức (quả kép) màu đỏ, khi quả già chín có màu đen sẫm. Cây Dâu được trồng khắp nơi ở Việt Nam.



CÂY DÂU
Morus alba L.
Họ Dâu tằm - Moraceae

https://trungtamthuoc.com/

- *Cách trồng:* Trồng bằng cành vào đầu mùa xuân.

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Lá Dâu tươi hoặc khô: vỏ rễ Dâu màu trắng, phơi khô: quả Dâu, cành Dâu, tầm gửi trên cây Dâu, tổ bọ ngựa trên cây Dâu, sâu Dâu.

- *Công dụng, chủ trị:*

+ Tang bạch bì (vỏ rễ) vị ngọt mát, làm thuốc lợi tiểu, chữa ho lâu ngày, ho có đờm và chữa sốt.

+ Tang diệp (lá Dâu) vị ngọt, đắng, mát: chữa sốt, cho ra mồ hôi, cảm mạo, an thần, tiêu đờm, huyết áp cao.

+ Tang thầm (quả Dâu) vị ngọt, bổ thận, sáng mắt, giúp sự tiêu hoá, chữa bệnh ngủ kém, râu tóc bạc sớm.

+ Tang ký sinh (cây mọc ký sinh trên cây Dâu) bổ gan thận, chữa đau lưng, đau mình, an thai.

+ Tang phiêu tiêu (tổ bọ ngựa trên cây Dâu) lợi tiểu tiện, chữa đi đái nhiều lần, di tinh, liệt dương, trẻ con đái dầm.

+ Sâu Dâu chữa bệnh trẻ con bị đau mắt, nhiều nhử, nhiều nước mắt.

- *Liều dùng:*

+ Tang bạch bì: ngày dùng 6-12g, dạng thuốc sắc.

+ Tang diệp: ngày dùng 6-18g, dạng thuốc sắc.

+ Tang thầm: ngày dùng 12-30g làm nước giải khát.

+ Tang ký sinh: ngày dùng 12-20g, dạng thuốc sắc.

+ Tang phiêu tiêu: ngày dùng 6-12g.

https://trungtamthuoc.com/

+ Sâu Dâu: cả con nướng ăn hoặc ngâm rượu.

- *Chú ý:*

+ Cơ thể suy yếu, ho không đờm, ho do lạnh không có nóng sốt không dùng Tang bạch bì.

+ Những người đại tiện lỏng không dùng Tang thầm.

+ Những người viêm tiết niệu, mộng tinh không dùng Tang phiêu tiêu.

+ Phụ nữ đang cho con bú không dùng các vị thuốc từ cây Dâu.

- *Đơn thuốc có cây Dâu:*

+ Dự phòng cảm cúm: Lá Dâu, Cúc hoa, hạt Muồng sao, mỗi loại 12g. Sắc lấy nước uống nhiều lần trong ngày.

+ Viêm khớp sưng đau tê bại đầu chi: Cành Dâu, Kê huyết đằng, Uy linh tiên mỗi vị 12g, sắc uống ngày 2-3 lần.

+ Mồ hôi trộm, ra mồ hôi chân tay: Lá Dâu, Cúc hoa, Liên kiều, Hạnh nhân mỗi vị 12g; Bạc hà, Cam thảo, Cát cánh mỗi vị 4g; rễ Sậy tươi 20g sắc uống ngày 1 thang, uống kéo dài 3-4 tuần.

https://trungtamthuoc.com/

39. VÔNG NEM

- *Tên khoa học:* Erythrina variegata L., Họ Đậu - Fabaceae

- *Tên khác:* Hải đồng bì, Thích đồng bì.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Loại cây cao 10-20m, thân có gai ngắn. Lá gồm 3 chét, dài 20-30cm, lá chét màu xanh và bóng, lá chét giữa phình chiều rộng lớn hơn chiều dài, hai lá chét hai bên chiều dài lớn hơn chiều rộng. Hoa màu đỏ tươi, tụ họp thành chùm dày 1-3 hoa. Cây mọc ở khắp nơi nhưng đặc biệt ưa mọc ở ven biển, được trồng làm hàng rào, cây cảnh hoặc lấy lá ăn.



VÔNG NEM
Erythrina variegata L.
Họ Đậu - Fabaceae

https://trungtamthuoc.com/

- *Cách trồng:* Trồng bằng cành hoặc bằng hạt.

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Lá tươi phơi hoặc sấy khô: vỏ thân cây phơi hoặc sấy khô; lá non dùng nấu canh ăn như một loại rau.

- *Công dụng, chủ trị:* Vỏ Vông nem vị đắng, có tác dụng trừ phong thấp, thông kinh lạc, sát trùng. Dùng làm thuốc an thần, gây ngủ. Còn dùng để chữa bệnh ngoài da, chữa răng sâu.

- *Liều dùng:* Ngày uống 2-4g lá, dạng thuốc sắc hoặc hãm. Vỏ cây dùng 6-12g.

- *Chú ý:* Người viêm khớp có sưng, nóng, đỏ, đau không dùng.

- *Đơn thuốc có Vông nem:*

Chữa đau nhức xương khớp do phong thấp: Vỏ Vông nem, Ngũ gia bì, Kê huyết đằng, Phòng kỷ, Cỏ xước, Ý dĩ nhân mỗi vị 15g, sắc uống.

https://trungtamthuoc.com/

40. PHÈN ĐEN

- *Tên khoa học:* Phyllanthus reticulatus Poir.. Họ Thầu dầu - Euphorbiaceae

- *Tên khác:* Nỗ, Tạo phan diệp.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Cây bụi, cành gầy mảnh, màu đen nhạt, đôi khi hợp từng 2-3 cành trên cùng một đốt, dài 10-20cm. Lá có hình dạng thay đổi; hình trái xoan, hình bầu dục hay hình trứng ngược, nhọn hay tù ở mặt dưới. Phiến lá rất mỏng, mặt trên màu sẫm hơn mặt dưới. Cụm hoa hình chùm ở nách lá. Cây mọc phổ biến ở khắp nước ta.



PHÈN ĐEN

Phyllanthus reticulatus Poir.

Họ Thầu dầu - Euphorbiaceae

https://trungtamthuoc.com/

- *Cách trồng:* Trồng bằng hạt.

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Dùng vỏ thân tươi hay phơi khô; dùng lá tươi hay khô.

- *Công dụng, chủ trị:* Vỏ thân có vị chát, thường dùng chữa lên đậu và tiểu tiện khó khăn, có mủ. Lá dùng chữa rắn độc cắn.

- *Liều dùng:* Vỏ cây mỗi ngày dùng 20-40g, dạng thuốc sắc. Lá tươi nhai nát nuốt nước, bã đắp lên nơi rắn cắn, không kể liều lượng. Lá tán bột hoặc sắc đặc rửa vết thương, vết loét cho sạch mủ và chóng lên da non. Nhọt độc chưa có mủ dùng 40-50g lá giã nát đắp ngoài.

- *Chú ý:* Tránh nhầm cây Phèn đen với cây Phèn trắng có lá màu hơi vàng, quả màu trắng.

https://trungtamthuoc.com/

41. MÀO GÀ ĐỎ

- *Tên khoa học:* Celosia cristata L., Họ Rau dền - Amaranthaceae

- *Tên khác:* Bông mào gà đỏ, Kê quan hoa, Kê đầu, Kê quan.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Là loại cỏ sống lâu năm, thân cứng, có cành nhẵn. Lá có cuống, phiến lá nguyên hình trứng, đầu lá nhọn. Hoa đỏ, vàng hoặc trắng, cuống rất ngắn, mọc thành bông gần như không cuống, hình vại với mép loe ra nhăn nheo. Quả hình trứng hay hình cầu chứa 8-10 hạt đen bóng. Cây được trồng khắp nơi để làm cảnh.



MÀO GÀ ĐỎ
Celosia cristata L.
Họ Rau dền - Amaranthaceae

https://trungtamthuoc.com/

- *Cách trồng:* Trồng bằng hạt.

- *Bộ phận dùng, chế biến:*

+ Hoa và hạt. Có thể dùng khô hay tươi để làm thuốc sắc hay tán bột chế thành viên để dùng.

- *Công dụng, chủ trị:*

+ Hoa Mào gà có vị ngọt, mát, có tác dụng thanh nhiệt, cầm máu, chữa lỵ ra máu, trĩ chảy máu, chữa rắn độc cắn.

+ Chữa sa trực tràng (lòi rom), Trĩ hậu môn, ỉa ra máu: Sắc cả hoa và hạt với liều 15g với 3 bát nước, lấy 1 bát uống nguội, uống 3 lần/ngày, hoặc phơi khô, tán thành bột, làm viên nhỏ như hạt đậu, uống nhiều lần thành đợt điều trị.

+ Rắn độc cắn: Dùng 4-12g, dạng sắc hoặc giã nhỏ vắt nước uống. Chữa dạ dày, ruột chảy máu...: dùng 10g hoa Mào gà khô (25-30g tươi) sấy khô, tán nhỏ, chia nhiều lần uống trong ngày, mỗi lần 1-2g. Nhai 10 hạt, nuốt nước, bã đắp chỗ rắn cắn.

- *Liều dùng:* Hoa và hạt sắc uống 8-15g/ngày.

- *Chú ý:*

+ Người béo mập quá mức, bệnh u cục không dùng.

+ Còn có loại Mào gà trắng, hoa màu trắng hoặc phớt hồng, hạt được gọi là Thanh tương tử có tác dụng như hạt của hoa Mào gà đỏ, có tác dụng chữa đau mắt sưng đỏ do can hoả.

https://trungtamthuoc.com/

42. BỒ CU VẼ

- *Tên khoa học:* Breynia fruticosa (L.) Hook.f., Họ Thầu dầu - Euphorbiaceae

- *Tên khác:* Đỏ đọt, Mào gà, Bồ long anh, Sâu vẽ, Bọ mẩy.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Cây nhỏ, thân nhẵn. Lá có hình dáng và kích thước thay đổi, đầu nhọn, phía cuống tù hay nhọn. Chiều dài của lá từ 3-6cm, rộng 2-4cm, cuống rất ngắn, màu nâu sẫm hay đen. Mặt dưới lá thường có đường vẽ đen do một loại sâu bò trên lá để lại. Hoa mọc thành chùm ở kẽ lá. Cây mọc hoang ở khắp nơi trên miền Bắc và miền Trung nước ta.



BỒ CU VẼ
Breynia fruticosa (L.) Hook.f.
Họ Thầu dầu - Euphorbiaceae

https://trungtamthuoc.com/

- *Cách trồng:* Trồng bằng hạt.

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Dùng lá tươi, rễ; thu hái quanh năm.

- *Công dụng, chủ trị:* Chữa rắn cắn, tiêu sưng, giảm đau, dị ứng, lở ngứa.

- *Liều dùng:* Dùng 30-40g lá tươi, giã lá vắt lấy nước uống, bã đắp lên vết rắn cắn.

- *Đơn thuốc có Bồ cu vẽ:*

+ Chữa viêm họng, amidan: Lấy 40g rễ sắc uống.

+ Chữa viêm da, lở ngứa, chốc đầu: Lấy một nắm lá tươi giã nát, xoa tại chỗ viêm, lở 3 lần trong ngày.

+ Chữa rắn cắn: Nhai một nắm lá, nuốt nước cốt, bã đắp chỗ rắn cắn. Thay 5-6 lần lá đắp trong ngày đến khi hết đau.

https://trungtamthuoc.com/



KIM VÀNG

Barleria lupulina Lindl.

Họ Ô rô - Acanthaceae

https://trungtamthuoc.com/

43. KIM VÀNG

- *Tên khoa học:* Barleria lupulina Lindl., Họ Ô rô - Acanthaceae

- *Tên khác:* Gai kim vàng, Gai kim bóng.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Cây bụi nhỏ, cành nhánh vuông, không có lông. Lá kèm biến thành gai thẳng, nhọn. Cụm hoa hình bông mọc ở ngọn. Các lá bắc kết hợp cao 2cm. Hoa vàng, lá đài có gai, tràng có một môi 4 thùy; nhị 4 (hai sinh sản hai lép). Quả nang có hai hạt dẹp. Cây ra hoa vào mùa đông xuân. Trồng ở đồng bằng và vùng núi.

- *Cách trồng:* Trồng bằng hạt.

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Lá, rễ và thân cây, dùng tươi, thu hái quanh năm.

- *Công dụng, chủ trị:* Vị cay, đắng, tính ấm, có tác dụng tiêu thũng, giải độc, giảm đau. Thuốc hiện được sử dụng trong phạm vi nhân dân, chữa rắn cắn, cắt cơn suyễn, cảm cúm, ho, thổ huyết, băng huyết, đau nhức răng, tê dại, nhức mỏi, bong gân, sai khớp.

- *Liều dùng:*

+ Điều trị rắn cắn dùng đọt non nhai nuốt nước, lấy bã đắp vào vết rắn cắn đã được xử lí rạch rộng vết cắn, hút nặn máu. Cứ 30 phút lại nhai nuốt nước đọt non cây Kim vàng một lần và nhanh chóng đưa đến cơ sở y tế xử trí tiếp.

+ Dùng lá tươi giã nát đắp chỗ bị sâu bọ, côn trùng đốt để giảm sưng đau.

https://trungtamthuoc.com/

44. TRINH NỮ HOÀNG CUNG

- *Tên khoa học:* Crinum latifolium L.. Họ Thủy tiên - Amaryllidaceae

- *Tên khác:* Tỏi lơi lá rộng.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Cây thảo, có thân củ hình cầu, đường kính củ 10-20cm. Thân giả ngắn, nhỏ. Lá có bản rộng hình giải, gân lá hình cung gần song song, phiến lá rộng 6-11cm, dài 60-90cm, mép lá hơi ráp. Cụm hoa tán, trục phát hoa dài 60cm, có 10-20 hoa màu trắng; hoa mẫu 3; hình ống hơi cong, dài 7-10cm, có chia thùy, phiến dài bằng ống. Cây ra hoa vào tháng 3-4; thường mọc ở các trảng cỏ, cây bụi tại Biên Hoà, Bà Rịa.



TRINH NỮ HOÀNG CUNG
Crinum latifolium L.
Họ Thuỷ tiên - Amaryllidaceae

https://trungtamthuoc.com/

- *Cách trồng:* Cây dễ trồng, nhân giống bằng các thân cành (củ) tách ra.

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Lá tươi hay phơi khô, thu hái quanh năm.

- *Công dụng, chủ trị:* Cây được sử dụng theo kinh nghiệm dân gian truyền khẩu; chữa đau, nhức xương khớp, đặc biệt do chấn thương sưng tấy, bầm dập... Dùng lá tươi (40g) giã đắp tại chỗ đau, ngày dùng 2 lần đến khi khỏi.

Nhiều địa phương còn dùng chữa một số chứng viêm tấy, đau họng, ho có đờm: đun nước ngậm và nuốt dần.

Gần đây một số nghiên cứu cho thấy lá Trinh nữ hoàng cung có tác dụng điều trị tốt với u xơ tiền liệt tuyến, u xơ tử cung. Chế phẩm Panacrin chứa chất chiết xuất từ lá có tác dụng ức chế hình thành khối u ung thư, hạn chế sự di căn.

- *Tác dụng phụ:* Nếu dùng nhiều (trên 40g/ngày) có thể gây đi ỉa lỏng, chỉ cần ngừng thuốc là hết.

https://trungtamthuoc.com/

45. CHÓ ĐẺ RĂNG CƯA

- *Tên khoa học:* Phyllanthus urinaria L., Họ Thầu dầu - Euphorbiaceae

- *Tên khác:* Chó đẻ thân xanh; Diệp hạ châu trắng.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Cây thảo, cao 40cm, lá mỏng màu lục, mốc mặt dưới, mọc so le như một lá kép với nhiều lá chét. Hoa đơn, xanh nhạt, nhỏ. Quả nang hình cầu, đường kính khoảng 2mm, mọc thành hàng dọc cành nên có tên "Diệp hạ châu", mọc dưới lá, mỗi quả có 3 mảnh vỏ, trong mỗi mảnh chứa 2 hạt nhỏ hình tam giác.

Mọc hoang dại khắp nơi trong các vùng, ven bờ ruộng, nương rẫy, chưa được gieo trồng.



CHÓ ĐẺ RĂNG CƯA
Phyllanthus urinaria L.
Họ Thầu dầu - Euphorbiaceae

https://trungtamthuoc.com/

- *Bộ phận dùng, thu hái, chế biến:* Dùng toàn cây, thu hái vào mùa hè, lúc quả xanh chắc, rửa sạch, dùng tươi giã nát vắt lấy nước cốt để uống, bã đắp vết thương hoặc phơi trong râm cho khô để dùng dần.

- *Công dụng, chủ trị:* Vị đắng, ngọt, mát, có tác dụng sát trùng, tiêu viêm mụn nhọt, vết sưng do côn trùng đốt; lợi tiểu tiện, bảo vệ gan, điều hoà kinh nguyệt, lợi sữa, chữa ỉa chảy, viêm ruột.

- *Liều dùng:* Dạng tươi 40-80g/lần, dùng nhiều ngày đến khi khỏi hẳn bệnh mà không sợ bị độc.

Dùng khô 40g, sắc uống ngày 3 lần.

- *Bài thuốc có Diệp hạ châu:*

Chữa viêm gan cấp hoặc mạn mức độ vừa và nhẹ, xét nghiệm HBsAg(+): Diệp hạ châu 40g, Chua ngút 15g, Cỏ nhọ nồi 15g, nước 3 bát (600ml) sắc lấy 1 bát (200ml), chia làm 3 lần uống trong ngày, điều trị nhiều đợt đến khi khỏi bệnh.

Thị trường đang lưu hành thuốc Liv-94 là chế phẩm từ bài thuốc trên, phù hợp với điều kiện Việt Nam, có thể nghiên cứu ứng dụng tại tuyến cơ sở.

https://trungtamthuoc.com/

Phần thứ hai

NHỮNG CÂY THUỐC CÓ ĐỘC

1. THÔNG THIÊN

- *Tên khoa học:* Thevetia peruviana(Pers.) Kchum., Họ Trúc đào - Apocynaceae

- *Tên khác:* Trúc đào hoa vàng.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Cây cao chừng 4-5m, thân nhẵn, trên cành mang nhiều sẹo cuống lá đã rụng. Lá hình mác, hẹp, dài 8-15cm, rộng 4-7mm, đơn, nguyên, nhẵn, đầu nhọn, mặt trên bóng, mặt dưới mờ, gân giữa nổi rõ. Hoa màu vàng tươi rất đẹp và thơm, mọc thành xim ở gần ngọn. Quả rất đặc biệt, lúc chưa chín có màu xanh bóng, khi chín có màu đen bóng nhưng nhăn lại và rất mềm. Toàn cây có nhựa màu trắng. Cây này vốn nguồn gốc ở vùng nhiệt đới châu Mỹ, sau đó di thực sang châu Á. Cây được trồng làm cảnh tại nhiều tỉnh ở Việt Nam (ảnh bìa 1).

- *Cách trồng:* Trồng bằng hạt.

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Có thể dùng hạt, vỏ hay lá, nhưng chủ yếu là hạt.

https://trungtamthuoc.com/

- *Công dụng, chủ trị*: Lá và hạt vị rất đắng, có độc; trâu, bò, sâu bọ không ăn. Chủ yếu chiết xuất lấy hoạt chất chữa bệnh tim.

- *Chú ý:*

+ Đề phòng bỏ nhầm Thông thiên vào thang thuốc uống sẽ gây ngộ độc.

+ Nước sắc lá, quả và thuốc chế từ Thông thiên có chất rất độc, cần chú ý tránh bị ngộ độc.

+ Biểu hiện triệu chứng ngộ độc là: buồn nôn và nôn kéo dài, gây mất nước, có khi kèm theo ỉa chảy, rối loạn thị giác và nhịp tim, còn gây ù tai, chóng mặt, nhức đầu, yếu cơ, tim đập không đều. Các triệu chứng xảy ra 3-4 giờ sau khi bị nhiễm độc và chết trong 24 giờ nếu không cấp cứu kịp thời.

- *Giải độc và điều trị:*

+ Trước hết cần nhanh chóng loại bỏ chất độc bằng cách rửa dạ dày, cho uống thuốc tẩy. Để bệnh nhân nằm nơi yên tĩnh, đủ ấm. Trợ tim, trợ sức, bổ sung dịch thể tránh mất nước. Chuyển tuyến sau cấp cứu kịp thời. Khi tim đập quá chậm (dưới 50lần/phút) có thể tiêm Atropin; nhưng cần theo dõi sát diễn biến.

+ Không dùng Adrenalin trong trường hợp ngộ độc Thông thiên.

https://trungtamthuoc.com/

2. TRÚC ĐÀO

- *Tên khoa học:* Nerium oleander L., Họ Trúc đào - Apocynaceae

- *Tên khác:* Đào lê, Giáp trúc đào.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Trúc đào là một cây nhỡ, có thể cao 4-5m, có khi trồng thành bụi. Cành mềm dẻo.

Lá mọc đối hay mọc vòng từng cụm 3 lá, thuộc loại lá đơn, mép nguyên, cuống ngắn, phiến lá hình mác, dài 7-10cm, rộng 1-4cm, dai, cứng, mặt trên màu xanh sẫm, mặt dưới màu nhạt hơn. Hoa màu hồng, mọc thành xim ngù ở hai đầu cành. Vì lá Trúc đào giống lá Trúc, hoa giống hoa Đào do đó có tên là Trúc đào. Cây được trồng làm cảnh ở khắp các tỉnh trong cả nước.

- *Cách trồng:* Trồng bằng cành. Cắt cành bánh tẻ thành từng đoạn dài 15-20cm, cắm nghiêng, tưới nước để giữ độ ẩm, trong vòng 15-30 ngày là cây mọc.

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Dùng lá để chiết xuất chất Neriolin.

- *Công dụng, chủ trị:* Chiết xuất nguyên liệu chế Neriolin làm thuốc chữa suy tim.

- *Chú ý:*

+ Cấm dùng Trúc đào làm thang thuốc sắc hoặc ngâm rượu thuốc.

https://trungtamthuoc.com/



TRÚC ĐÀO

Nerium oleander L.

Họ Trúc đào - Apocynaceae

https://trungtamthuoc.com/

+ Triệu chứng ngộ độc: Đây là tình trạng ngộ độc Glucozide tim. Bệnh nhân có thể nôn dữ dội, sau đó mệt lả, không buồn nôn. Nhức đầu, chóng mặt, đau bụng. Mạch chậm dần, rối loạn nhịp tim, nặng hơn có thể truỵ tim mạch, tụt huyết áp, hôn mê.

- *Giải độc và điều trị:* Loại bỏ chất độc ra khỏi cơ thể bằng cách gây nôn, rửa dạ dày. Ủ ấm, theo dõi mạch, huyết áp thường xuyên. Nhanh chóng chuyển cấp cứu tuyến sau, nhịp tim quá chậm (dưới 50 lần/phút) có thể tiêm dưới da Atropin liều 0,5-1,0mg (2-4 ống loại 1/4mg). Và có thể tiêm nhắc lại lần 2 sau 2 giờ (liều dùng 1/4mg).

3. CÀ ĐỘC DƯỢC

- *Tên khoa học:* Datura metel L., Họ Cà - Solanaceae

- *Tên khác:* Mạn đà la.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Cà độc dược có 2 loại; một loại hoa trắng, thân xanh, cành xanh; một loại hoa đốm tím, cành và thân tím. Cây Cà độc dược đều là loại cây nhỏ, mọc hàng năm, cao từ 1-2m. Toàn thân gần như nhẵn, có nhiều chấm nhỏ. Cành và các bộ phận non có nhiều lông tơ ngắn. Lá đơn, mọc cách nhưng ở gần đầu cành trông như mọc đối hay mọc vòng. Phiến lá hình trứng, ngọn lá nhọn, phía đáy lá hơi hẹp lại. Hoa đơn, mọc ở kẽ lá, khi hoa héo một phần còn lại trở thành quả, giống hình cái mâm. Loại hoa tím có quả hình cầu, có gai, khi chín có màu nâu nhạt. Cây mọc hoang và được trồng khắp nơi ở nước ta, như Phú Thọ, Vĩnh Yên, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh...

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Hoa và lá phơi hay sấy khô. Hái lá khi cây sắp ra hoa.

- *Công dụng, chủ trị:* Cà độc dược vị cay, tính ôn, có độc. Tác dụng khử phong thấp, chữa hen suyễn. Được dùng để chữa ho, hen, chống co thắt trong bệnh dạ dày và ruột, cắt cơn đau, say sóng hoặc nôn khi đi tàu xe. Dùng ngoài, đắp mụn nhọt để giảm đau nhức.

https://trungtamthuoc.com/



CÀ ĐỘC DƯỢC

Datura metel L.

Họ Cà - Solanaceae

https://trungtamthuoc.com/

- *Liều dùng:* Dùng dưới dạng bột lá hay bột hoa hoặc dùng lá hay hoa phơi khô. thái nhỏ quấn điếu hút như thuốc lá. Liều dùng 1-1.5g/ngày. Dạng rượu Cà độc dược tỷ lệ 1/10; 0,5-3,0g ngày cho người lớn; 0,1g/5 giọt cho trẻ em, 2-3 lần/ngày.

- *Chú ý:*

+ Không dùng cho người có thể lực yếu.

+ Toàn cây có độc, khi dùng thấy có triệu chứng ngộ độc, phải dừng ngay. Nếu bị ngộ độc biểu hiện giãn đồng tử, làm mờ mắt, tim đập nhanh, giãn phế quản, khô môi họng, đến mức không nuốt được. Chất độc tác dụng vào hệ thần kinh, gây chóng mặt, ảo giác và mê sảng, sau đó hôn mê, tê liệt và chết.

- *Giải độc và điều trị:* Đây là tình trạng ngộ độc Atropin. Khi ngộ độc đường tiêu hóa phải nhanh chóng loại bỏ chất độc ra khỏi cơ thể: Gây nôn, rửa dạ dày bằng nước chè đặc (đối với người lớn). Ủ ấm, giữ yên tĩnh cho người bệnh. Có thể dùng thuốc an thần nếu vật vã, kết hợp trợ sức nếu có biểu hiện bơ phờ, mệt mỏi. Theo dõi mạch, huyết áp thường xuyên. Trường hợp ngộ độc nặng phải chuyển cấp cứu kịp thời.

Y học cổ truyền dùng bài thuốc sau để điều trị ngộ độc Cà độc dược ở mức độ nhẹ, bệnh nhân còn tỉnh táo hoặc sau cấp cứu bệnh nhân đã qua cơn nguy hiểm:

https://trungtamthuoc.com/

+ Vỏ đậu xanh 400g, Kim ngân hoa 200g, Liên kiều 100g, Cam thảo 10g. Sắc với 3 bát nước, lấy 1 bát; uống dần từng ngụm làm nhiều lần cho đến lúc hết triệu chứng ngộ độc.

https://trungtamthuoc.com/

4. LÁ NGÓN

- *Tên khoa học:* Gelsemium elegans Benth., Họ Mã tiền - Loganiaceae

- *Tên khác:* Cỏ ngón, Thuốc rút ruột, Hổ mạn trường, Đại trà đẳng, Hổ mạn đằng, Câu vẫn, Đoạn trường thảo.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Là loại cây mọc leo, thân cành nhẵn, lá mọc đối, hình trứng thuôn dài hay hơi hình mác, đầu nhọn, phía cuống nhọn hay hơi tù, mép nguyên. Hoa màu vàng, mọc thành xim ở đầu cành hay kẽ lá. Quả nang, hạt có cánh mỏng. Cây Lá ngón có phổ biến ở các tỉnh miền núi như Hoà Bình, Lào Cai, Cao Bằng, Tuyên Quang...

- *Cây dễ nhầm lẫn:*

Cây Lá ngón rất độc, độc nhất là rễ và lá non. Cây Lá ngón không dùng làm thuốc chữa bệnh. Thực tế có người nhầm nó với cây Chè vằng, Kim ngân (hoa) do đó khi thu hái các cây thuốc mọc tự nhiên phải chú ý, đặc biệt là các đơn vị đóng quân ở vùng rừng núi.

- *Triệu chứng ngộ độc:* Nạn nhân thấy khát nước, sốt, đau rát họng, đau quặn bụng từng cơn, kèm theo nôn mửa, diễn biến nặng hoa mắt, răng cắn chặt, sùi bọt mép, toàn thân lạnh, hạ huyết áp, hô hấp chậm dần rồi chết sau những cơn vật vã.

https://trungtamthuoc.com/

- *Giải độc và điều trị:* Khi phát hiện ngộ độc cây Lá ngón phải cấp tốc gây nôn, rửa dạ dày nhiều lần. Nhanh chóng chuyển tuyến trên xử trí tiếp.

Kinh nghiệm dân gian cho uống nước sắc Cam thảo nhiều lần để giải độc và bù nước (không có nước Cam thảo, dùng nước đường pha chút muối thay thế) khi bệnh nhân đã qua cơn nguy kịch, luôn giữ ấm cơ thể.

https://trungtamthuoc.com/



LÁ NGÓN

Gelsemium elegans Benth.

Họ Mã tiền - Loganiaceae

https://trungtamthuoc.com/

5. MÃ TIỀN

- *Tên khoa học:* Strychnos nuxvomica L., Họ Mã tiền - Loganiaceae

- *Tên khác:* Củ chi, Mắc sèn sứ (Thổ).

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Mã tiền là cây nhỡ, mọc thẳng đứng, vỏ màu xám, cây non có gai. Lá mọc đối, có lá kèm cuống ngắn, phiến lá hình bầu dục, hai đầu hơi nhọn, gân lá hình lông chim. Hoa nhỏ, màu hồng, hợp thành xim hình tán đều, lưỡng tính, tràng và đài có 5 cánh. Quả mọng hình cầu to bằng quả cam, có chứa cơm màu trắng, nhiều hạt tròn dẹt hình khuy áo to.

Hiện nay khai thác chủ yếu loại Mã tiền dây leo mọc hoang ở hầu hết các tỉnh miền núi nước ta: Cao Bằng, Lạng Sơn, Hoà Bình, Tuyên Quang, Phú Thọ, Bắc Giang, Lào Cai và một số tỉnh Trung Bộ.

- *Bộ phận dùng, chế biến:*

+ Chế biến hạt Mã tiền như sau: Ngâm hạt Mã tiền trong nước vo gạo một ngày đêm cho tới khi mềm để giảm độc, bỏ vỏ cứng bên ngoài, sấy khô. Đun sôi hạt Mã tiền trong dầu Vừng để giảm độc lần hai cho tới khi hạt nổi lên là được, vớt ra, thái mỏng, sấy khô để dùng.

+ Dùng hạt để chiết xuất Strychnin.

- *Công dụng, chủ trị:*

+ Tây y:

Dùng hạt Mã tiền chiết xuất Strychnin làm thuốc kích thích thần kinh trung ương, tăng phản

https://trungtamthuoc.com/

xạ của tuỷ, tăng cường kiện vận và dinh dưỡng của cơ, chữa tê liệt, tim bị giãn, cơ tim co bóp kém, giảm trương lực của ruột và yếu sinh dục.

+ Y học cổ truyền:

Mã tiền được xem như một vị thuốc chữa tê thấp, bại liệt, bán thân bất toại.

- *Liều dùng:*

+ Cồn Mã tiền uống 8-10 giọt/lần, tối đa 30 giọt.

+ Cao Mã tiền uống 10-15mg/lần, tối đa 50mg.

+ Bột Mã tiền chế, mỗi ngày uống chừng 0,1-0,3g với 20ml rượu để dẫn thuốc. Không dùng kéo dài.

- *Triệu chứng ngộ độc:* Mã tiền là loại thuốc độc, do đó việc sử dụng phải kiểm soát liều lượng chặt chẽ. Đây là tình trạng ngộ độc Strychnin. Triệu chứng ngộ độc Mã tiền biểu hiện như sau: Cảm giác sợ sệt lo lắng lúc đầu, nặng hơn thấy sợ ánh sáng, tiếng động. Xuất hiện các cơn co giật kiểu uốn ván, đầu ngửa về phía sau, co quắp toàn thân, khó thở, mặt tái, răng cắn chặt. Bị kích thích bởi ánh sáng, tiếng động mạnh cơn co giật càng mạnh. Sau cùng người bệnh hôn mê và chết do ngừng thở.

- *Giải độc và điều trị:* Để nạn nhân nằm nơi yên tĩnh trong buồng ánh sáng nhẹ, gây nôn, chống co giật. Giữ thông đường thở, lau sạch đờm dãi, chất nôn. Giữ ấm toàn thân. Có thể châm huyệt Nhân trung, Hợp cốc, Dũng tuyền để chống co giật. Xử trí sơ cứu, chuyển tuyến sau điều trị.

https://trungtamthuoc.com/



MÃ TIỀN

Strychnos nuxvomica L.

Họ Mã tiền - Loganiaceae

https://trungtamthuoc.com/

6. SẦU ĐÂU RỪNG

- *Tên khoa học:* Brucea javanica (L.) Merr., Họ Thanh thất - Simaroubaceae

- *Tên khác:* Sầu đâu cứt chuột, hạt Khổ sâm, Khổ luyện tử, Nha đảm tử, Cứt cò, Xoan rừng.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Là loại cây nhỏ, chỉ cao độ 1,6-2,5m, thân yếu không thành gỗ và không to như cây xoan trồng trong vườn. Lá xẻ lông chim không đều, có 4-6 đôi lá chét. Hoa nhỏ khác gốc, mọc thành chùm xim.

Cây Sầu đâu rừng mọc hoang ở nhiều nơi trong nước ta: Hải Phòng, Thanh Hoá, Nghệ An, Thừa Thiên, Quảng Nam, Đà Nẵng.

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Quả chín phơi hay sấy khô, loại bỏ tạp chất.

- *Công dụng, chủ trị:* Vị đắng, tác dụng tiêu viêm, sát trùng. Là loại thuốc chữa lỵ, ỉa lỏng, sốt rét.

- *Liều dùng:* Ngày dùng 10-14 quả, có thể tới 20 quả. Quả khô tán nhỏ, làm thành viên 0,10g hoặc nhân đã khử dầu tán bột làm thành viên 0,02g. Uống liền 3-7 ngày/1 đợt điều trị.

- *Chú ý:*

+ Quả Sầu đâu rừng dễ nhầm với quả Xoan của cây Xoan trồng trong vườn, vỏ rễ để trị giun.

+ Những người tiêu hoá suy yếu, nôn mửa không dùng được.

- *Triệu chứng ngộ độc:* Nếu dùng quá liều có thể bị ngộ độc. Nạn nhân sẽ bị nôn mửa, đau bụng, ỉa chảy, nhức đầu, mệt mỏi, khó thở, sau cùng tê liệt chân tay và có thể chết.

- *Giải độc và điều trị:* Khi bị ngộ độc Sầu đâu rừng phải gây nôn, rửa dạ dày, chuyển tuyến sau điều trị. Có thể cho uống nước lòng trắng trứng, Tiêm tĩnh mạch chậm hỗn hợp Glucoza 30% + VitaminC. Nếu đau bụng nhiều, cho uống thuốc giảm đau.

Khi điều trị thuốc có Sầu đâu, thấy nôn nao, buồn nôn phải ngừng thuốc ngay, xử trí như với trường hợp ngộ độc thuốc.

https://trungtamthuoc.com/



SẦU ĐÂU RỪNG

Brucea javanica (L.) Merr.

Họ Thanh thất - Simaroubaceae

https://trungtamthuoc.com/

Phần thứ ba

NHỮNG CÂY THUỐC GIẢI ĐỘC

1. BÒN BỌT

- *Tên khoa học:* Glochidion eriocarpum Champ., Họ Thầu dầu - Euphorbiaceae

- *Tên khác:* Toán bàn tử, Chè bọt.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Cây nhỏ, lá mọc so le, cành non có màu tím đỏ, rất nhiều lông ngắn màu trắng, cành già có màu xanh nhạt. Phiến lá nguyên hình trứng thuôn, đáy lá tròn, đầu lá thuôn nhọn, hai mặt phiến lá có nhiều lông màu trắng, mặt dưới lá nhiều lông



BÒN BỌT
Glochidion eriocarpum Champ.
Họ Thầu dầu - Euphorbiaceae

https://trungtamthuoc.com/

hơn, thoạt trông giống như lá Mơ lông. Cuống lá ngắn 1-1,5mm, có 2 lá kèm nhỏ như hai gai nhọn, mềm. Hoa rất nhỏ, đơn tính, mọc ở kẽ lá. Quả hình bánh xe, khi chín có màu đỏ.

- *Cách trồng:* Cây mọc hoang tự nhiên ở khắp nơi.

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Cành và lá phơi khô, không cần chế biến gì đặc biệt.

- *Công dụng, chủ trị:* Kinh nghiệm sử dụng trong phạm vi nhân dân chữa rắn cắn (giã lá, vắt lấy nước uống, bã đắp lên vết thương), hoặc lấy cả cành và lá sắc nước để rửa chỗ dị ứng sơn.

- *Đơn thuốc có Bòn bọt:*

Điều trị lỵ: Lá Bòn bọt 30g, cỏ Seo gà 30g, nước 300ml, sắc lấy 150ml, chia 2 lần uống trong ngày.

https://trungtamthuoc.com/

2. CÂY CHÂN CHIM

- *Tên khoa học:* Schefflera octophylla (Lour) Harm., Họ Nhân sâm - Araliaceae

- *Tên khác:* Sâm nam, Ngũ chỉ thông, Áp cước mộc, Ngạ chưởng sài.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Loại cây nhỡ, có thể cao 2-8m. Lá kép hình chân vịt, mọc so le, có 6-8 lá chét, cuống lá dài 8-30cm, lá chét nguyên hình trứng, đầu nhọn hay hơi tù, dài 7-17cm, rộng 3-6cm. Cuống lá chét giữa dài hơn, đo được 3-5cm. Cụm hoa chùy hoặc chùm tán. Hoa nhỏ màu trắng, số cánh hoa và nhị bằng nhau, thường là 5 cánh. Quả mọng hình cầu, khi chín có màu tím sẫm.

Cây mọc rải rác khắp nơi trong nước ta, nhiều nhất ở các tỉnh Phú Thọ, Lào Cai, Hoà Bình, Hà Bắc, Ninh Bình.



CÂY CHÂN CHIM
Schefflera octophylla (Lour) Harm.
Họ Nhân sâm - Araliaceae

https://trungtamthuoc.com/

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Vỏ rễ. Rễ đào về rửa sạch đất cát, bóc lấy vỏ hoặc thái mỏng nếu là rễ nhỏ, phơi hay sấy khô. Còn dùng lá và vỏ thân.

- *Công dụng, chủ trị:* Vị hơi đắng nhẹ, mùi thơm, tính ấm. Dùng làm thuốc chữa tê thấp, kích'thích tiêu hóa, thông tiểu, chữa phù thũng.

- *Liều dùng:* Dùng ngày 6-12g, dạng thuốc sắc.

- *Giải độc:* Dùng cây Chân chim giải độc lá Ngón hay say Sắn: vỏ tươi giã nát, sắc đặc để uống.

- *Đơn thuốc có cây Chân chim:*

+ Chữa phong thấp đau nhức khớp: Vỏ rễ cây Chân chim 180g ngâm 1 tuần trong 500ml rượu, hàng ngày uống 2 lần, mỗi lần 1 chén (20ml).

+ Bệnh cước khí chân tay sưng đau: Vỏ rễ cây Chân chim, lõi Thông, hạt Cau, củ Gấu, Tía tô, Chỉ xác, Ké đầu ngựa mỗi thứ 8-16g, sắc uống 3 lần trong ngày đến khi lui bệnh.

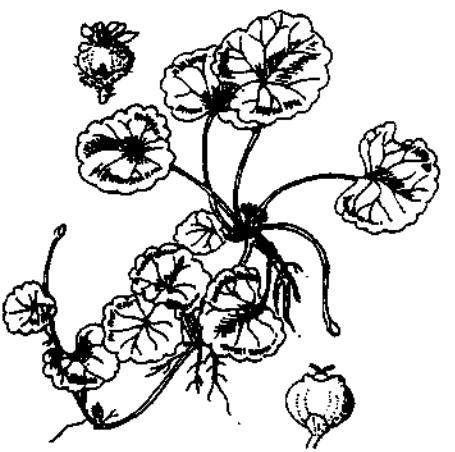
https://trungtamthuoc.com/

3. RAU MÁ

- *Tên khoa học:* Centella asiatica (L.)Urb., Họ Hoa tán - Apiaceae

- *Tên khác:* Tích tuyết thảo, Liên tiền thảo, Lão sơn sâm.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Rau Má là một loại cỏ mọc bò, có rễ ở các mấu; thân gầy, nhẵn. Lá hình mắt chim, khía tai bèo. Cụm hoa tán đơn, mọc ở kẽ lá, gồm 1-5 hoa nhỏ. Quả dẹt, rộng 3-5mm, có sống hơi rõ. Cây mọc hoang khắp nơi ở nước ta.



RAU MÁ
Centella asiatica (L.) Urb.
Họ Hoa tán - Apiaceae

https://trungtamthuoc.com/

- *Cách trồng:* Trồng bằng thân có đốt rễ ở nơi đất ẩm.

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Dùng toàn cây tươi hay phơi khô. Cây tươi có vị đắng, hăng hơi khó chịu, cây khô chỉ còn mùi cỏ khô. Thu hái quanh năm.

- *Công dụng, chủ trị:* Là vị thuốc mát, vị ngọt, hơi đắng, không độc, có tác dụng giải nhiệt, giải độc, thông tiểu; dùng chữa thổ huyết, tả lỵ, khí hư, bạch đới, lợi sữa. Rau Má không độc, phụ nữ có thai vẫn dùng được. Dùng làm rau ăn và xay lọc nước uống để giải nhiệt.

- *Liều dùng:* Ngày dùng 30-40g tươi, vò, xay nát, vắt lấy nước cốt uống hay sắc uống.

- *Giải độc:*

+ Rau Má dùng giải độc lá Ngón: Lấy cả cây Rau Má rửa sạch, giã nát, hòa với nước ấm để uống.

+ Chữa ngộ độc nấm: Rau Má 4 lạng, đường phèn 2 lạng. Rau Má giã nát, vắt lấy nước cốt hoà với đường phèn để uống.

+ Giải độc Sắn, măng: Rau Má tươi giã nát, hoà với nước ấm để uống.

+ Phòng say nắng: Rau Má 1 phần, lá Sắn dây (hoặc Đậu ván) 1 phần, lá Tre 2 phần. Đổ ngập nước, đun sôi 30 phút, lọc bỏ bã, lấy nước, thêm chút muối, làm nước uống cho cả đơn vị trong ngày nắng nóng.

https://trungtamthuoc.com/

4. ĐẬU XANH

- *Tên khoa học:* Vigna radiata (L.) Wilezek, Họ Đậu - Fabaceae

- *Tên khác:* Lục đậu.

- *Đặc điểm thực vật, phân bố:* Cây thảo, gieo trồng theo vụ hàng năm, mọc đứng, ít phân nhánh. Một cuống có 3 lá chét, lá chét hình trái xoan ba cạnh, màu lục sẫm, có lông nhám. Hoa dày đặc, màu vàng hoặc lục, xếp thành chùm ở nách lá.

Cây được trồng khắp nơi ở nhiều nước, lấy hạt làm thực phẩm, hạt và vỏ hạt được dùng làm thuốc.

- *Cách trồng:* Trồng bằng hạt.

- *Bộ phận dùng, chế biến:* Toàn hạt và vỏ Đậu xanh. Vỏ hạt Đậu xanh (còn gọi là Lục đậu bì, Lục đậu y, Lục đậu xác) thu được bằng cách xay đậu, ngâm nước và gạn lấy vỏ hoặc ủ giá đậu, sàng lấy lại vỏ phơi hay sấy khô.

- *Công dụng, chủ trị:*

+ Vỏ hạt Đậu xanh vị ngọt, có tác dụng giải nhiệt độc, chữa khỏi mờ mắt.

+ Toàn hạt Đậu xanh vị ngọt, có tác dụng tiêu tích nhiệt, giải các chất độc. Dùng nấu ăn để tiêu phù thũng, giảm đầy trướng, giải các chất độc của thuốc và kim loại. Hạt Đậu xanh dùng giải độc trong trường hợp ngộ độc Sắn, ngộ độc Nấm.

https://trungtamthuoc.com/

- *Liều dùng:* Tuỳ từng trường hợp mà dùng Đậu xanh không kể liều lượng. Có thể dùng bột hạt Đậu xanh quấy với nước để uống.

- *Đơn thuốc có Đậu xanh:*

+ Giải độc: Đậu xanh 12-20g (có thể dùng 40g) ngâm mềm, giã nát, vắt nước uống, hoặc nhai sống và nuốt nước.

+ Phòng, chữa cảm nhiệt sốt: Bột Đậu xanh 50g (cả vỏ), lá Dâu non 16g, lá Tía tô 12g. Bột Đậu xanh cho thêm chút gạo nấu thành cháo, lá Dâu và lá Tía tô thái nhỏ cho vào cháo trước khi ăn 5 phút.

https://trungtamthuoc.com/

Phần thứ tư

ĐIỀU TRỊ CÁC CHỨNG BỆNH THƯỜNG GẶP

1. ÁP XE NÓNG

a) Giai đoạn sưng, đỏ, nóng (chưa có mủ):

- Thuốc đắp:

Dùng một trong những bài thuốc sau đây. Tuỳ theo diện tích bị áp xe rộng hay hẹp để lấy lá hoặc củ, quả cho đủ dùng.

Bài 1. Lá Dâm bụt, lá Ớt, lá Cúc hoa, lượng bằng nhau, rửa sạch, vẩy khô, trộn vài hạt muối, giã nhuyễn, đắp lên vùng bị áp xe. Đắp 1-2 lần/ngày.

Bài 2. Củ Ráy tươi rửa sạch, gọt vỏ, trộn vài hạt muối, giã nát, nướng nóng, đắp tại chỗ áp xe 1 lần/ngày.

Bài 3. Quả Đu đủ non rửa sạch, trộn vài hạt muối giã nhuyễn, đắp lên vùng bị áp xe 1 lần/ngày.

Bài 4. Hành tăm (có thể thay bằng Hành củ), Mật ong (vừa đủ), giã nhuyễn Hành, trộn đều với Mật ong, đắp lên nơi áp xe 1 lần/ngày.

Bài 5. Rau Sam cả cây giã nhuyễn, đắp tại chỗ áp xe 1 lần/ngày.

- Chú ý: Thuốc đắp chỗ áp xe không được quá nóng sẽ gây bỏng, loét.

https://trungtamthuoc.com/

- *Châm bấm huyệt:* Có thể dùng một số huyệt sau đây: Túc tam lý, Tam âm giao, Phong long, A thị huyệt (4-5 huyệt quanh vùng áp xe).

b) Giai đoạn nung mủ, phá mủ:

Dùng bài thuốc để hút mủ:

Lá Táo bánh tẻ hoặc lá Tiết dê, măng vòi Tre, lá Thầu dầu tía, lượng bằng nhau, rửa sạch, trộn vài hạt muối, giã nhuyễn, đắp chỗ áp xe, ngày thay 1 lần. Có thể dùng giác để hút mủ, đắp thuốc đến khi sạch mủ.

c) Giai đoạn lên da non:

Nghệ vàng rửa sạch, giã nát, vắt lấy nước cốt bôi vết thương 2-3 lần/ngày để kích thích cho lên da non.

2. BÍ ĐÁI

a) Các thuốc đắp hoặc chườm vùng hạ vị:

- Muối trắng 100g rang nóng, gói trong khăn mỏng, chườm vùng dưới rốn nhiều lần cho đến khi tự đi tiểu.

- Lá Trầu không hơ nóng, đắp lên vùng dưới rốn, làm như vậy nhiều lần đến khi tự đi tiểu.

- Hành tươi 1 củ, Giun đất 1 con, hai thứ giã nhuyễn, đắp vùng dưới rốn.

https://trungtamthuoc.com/

- Tỏi 1 củ, Dành dành tươi 3-5 quả, muối trắng 1 nhúm (3g), giã nhuyễn, đắp vùng dưới rốn đến khi tự đi đái được.

- Lấy cây Tía tô, Hương nhu nấu nước xông, đắp muối vào giữa rốn và băng lại trước khi xông.

b) Thuốc uống chữa bí đái:

Rễ cỏ Xước	20g
Rễ củ Dứa	20g
Bông Mã đề	20g
Rễ Chỉ thiên	20g
Rễ cỏ Tranh	20g

Rửa sạch, sắc với 3 bát nước, lấy 1 bát, uống 2 lần/ngày.

c) Châm bấm huyệt:

Châm tả huyệt Trung cực, Quan nguyên, Khí hải. Tam âm giao, Âm lăng tuyền.

3. BỎNG

Nguyên tắc: Xử trí theo quy định chung: Giảm đau, chống choáng, an thần, bù nước và điện giải, không làm tổn thương lan rộng.

Bài thuốc chữa bỏng nhẹ, diện tích nhỏ:

a) Mới bị bỏng:

Bài thuốc chống phồng rộp da, thoát huyết tương: Nước muối 20% thấm vào bông rửa sạch vết

https://trungtamthuoc.com/

bỏng, bằng cách chấm nhẹ tay hoặc tưới lên vết thương, không chà xát gây đau đớn và tổn thương sâu hơn.

- Bôi hoặc đắp nước cốt các loại lá sau:

Lá Trắc bá, lá Trầu không, lá Khoai lang, lá Cỏ nhọ nồi, lá Bỏng.

Lấy một trong các loại lá trên rửa sạch, giã nhuyễn, vắt lấy nước cốt, bôi hoặc đắp cả bã lên chỗ bỏng 3 - 4 lần/ngày. Có thể thay bằng bột mai Mực nghiền mịn, rắc lên vết bỏng 2 - 3 lần/ngày đến khi lên da non.

b) Bỏng đã bị loét và nhiễm trùng:

- Nước rửa vết thương:

Lá Trầu không	20g
Phèn đen	20g
Nước	1.500ml

Sắc còn 1.000ml, rửa vết bỏng 1 lần/ngày.

- Thuốc bôi: Dầu Vừng, dầu Lạc bôi để giữ vết thương mềm nhuận, hoặc dùng lá Mỏ quạ (hay Bồ cu vẽ), Nghệ vàng lượng bằng nhau, rửa sạch, giã nát, vắt nước cốt bôi lên vết bỏng 1 lần/ngày.

- Thuốc uống:

Kim ngân hoa	12g
Lá Cối xay	12g
Sài đất	12g
Bông Mã đề	12g

Rửa sạch, sắc với 3 bát nước lấy 1 bát, chia 2 lần uống trong ngày.

https://trungtamthuoc.com/

- *Chú ý:* Sử dụng các loại thuốc nam chữa vết thương bỏng bị loét phải dùng tươi, bào chế dùng hết trong ngày, đề phòng bội nhiễm.

4. BONG GÂN

(Chấn thương, sưng nề, tụ máu)

a) Bài thuốc:

- *Thuốc đắp ngoài:* Lá Chìa vôi, lá Ngải cứu, lá Cúc tần, lá Náng, lá Thầu dầu tía.

Lấy 1 hoặc 3 loại lá trên, rửa sạch, giã nhuyễn, trộn với dấm hoặc rượu, sao nóng, đắp vào chỗ chấn thương 2 lần/ngày.

- *Thuốc uống:*

Bài 1. Nghệ vàng thái lát, sao rượu 12g
Cỏ Xước, sao rượu 12g
Vỏ cây Gạo bỏ bì, sao rượu 16g
Lá Lốt sao vàng 16g

Sắc với 3 bát nước, lấy 1 bát, chia 2 lần uống/ngày, sau bữa ăn 30 phút.

Bài 2. Tua rễ Si 50g hoặc cành Si 100g chặt ngắn 3cm, sao vàng, sắc với 3 bát nước lấy 1 bát, chia 2 lần uống/ngày cho đến khi hết sưng đau.

b) Châm bấm huyệt:

Châm tả các huyệt xung quanh vùng chấn thương và huyệt Huyền chung, Huyết hải. Có thể

https://trungtamthuoc.com/

châm dưới da cổ tay, cổ chân vùng tương ứng khu vực chấn thương.

Chú ý: Trong 4 giờ đầu chỉ chườm lạnh và bất động phần chi thể chấn thương, bong gân. Nếu có mật Gấu chỉ được bôi, xoa nhẹ trên vùng chấn thương nhiều lần, tuyệt đối không xoa bóp, gây xuất huyết và sưng nề tăng lên.

5. CẢM MẠO

a) Cảm mạo thể lạnh (cảm hàn):

Sốt, sợ lạnh, nhức đầu, không có mồ hôi, không khát nước, tiểu tiện trong, nhiều.

- *Thuốc nam:*

+ Nồi nước lá xông: Chỉ xông khi sốt không ra mồ hôi, nấu nước xông với một hoặc nhiều loại lá sau đây: Lá Chanh, Bưởi, Cam, Quýt, Đại bi, Long não, lá Bạch đàn, lá cây Chổi xể, lá Sả, cây rau Mùi già, Ngải cứu, Cúc tần...

Xông trong buồng nhỏ kín hoặc trùm chăn mỏng 10-15 phút, khi đã ra mồ hôi là đạt yêu cầu, lau hết mồ hôi, tránh gió lùa.

+ Thuốc uống:

Lá Tía tô	12g
Hành	08g
Gừng tươi	08g
Cam thảo đất	08g
Vỏ Quýt (sao)	08g
Củ Gấu tẩm nước Gừng sao	12g

https://trungtamthuoc.com/

Đổ 2 bát nước, đun sôi 5 phút, chia uống 2 lần/ngày.

+ Cháo chống lạnh:

Gạo nếp hoặc gạo tẻ mới 50g, nấu cháo. Thái nhỏ Gừng. Hành vừa đủ cho vào bát cháo, thêm 1-2 lòng đỏ quả trứng gà, đánh đều, một chút tiêu, ăn nóng, có tác dụng tăng dinh dưỡng, bổ sung nước.

- *Châm bấm huyệt:* Châm tả huyệt Phong phủ, Khúc trì, Phong trì, Hợp cốc, Ngoại quan, Túc tam lý.

Đau đầu thêm huyệt Thái dương, Ấn đường. Đau bụng thêm huyệt Thiếu thương. Nhức mỏi toàn thân thêm huyệt Đại trữ. Sổ mũi thêm huyệt Nghinh hương.

b) Thể cảm nóng (cảm nhiệt):

Sợ gió, sợ nóng, sốt nhiều, có mồ hôi, khát nước, rêu lưỡi vàng, mỏng, tiểu tiện vàng, số lượng ít.

- *Thuốc nam:*

Bạc hà	8g
Lá Tre	16g
Kinh giới	8g
Kim ngân	16g
Cam thảo đất	12g
Lá, củ Sắn dây	16g
Lá Dâu	16g

Sắc với 3 bát nước lấy 1 bát, uống 2-3 lần/ngày.

https://trungtamthuoc.com/

- *Canh giải nhiệt*: Đậu xanh 50g (cả vỏ) nấu chín. Thái lá Dâu non, lá Tía tô, mỗi thứ 1 nắm vừa ăn, cho vào đảo đều, ăn nóng cho ra mồ hôi.

- *Châm bấm huyệt*: Châm tả huyệt Phong phủ, Khúc trì. Phong trì, Phong môn, Hợp cốc, Ngoại quan, Túc tam lý.

Nếu sốt cao châm tả huyệt Đại chuỳ.

Không ra mồ hôi châm tả huyệt Phục lưu.

6. CÔN TRÙNG CẮN, ĐỐT

a) Ong đốt:

Các loại ong Muỗi, ong Vàng, ong Vò vẽ đốt người khi vô tình va chạm vào tổ ong. Ong Bồ nâu đốt gây độc nặng hơn cả. Có 6 cách điều trị như sau:

- Dùng Vôi tôi nhuyễn bôi vào vết đốt ngay sau khi bị đốt.
- Hạt, lá Quất hồng bì giã nhuyễn, đắp lên vết đốt.
- Măng Tre vòi giã nhuyễn, đắp lên vết đốt.
- Thuốc Lào tẩm nước điếu đắp lên vết đốt.
- Củ Ráy dại, cắt một lát xát lên vết đốt.
- Lá, dây, củ dây Chìa vôi giã nhuyễn đắp lên vết đốt.

b) Ve cắn:

Khi bị Ve cắn, không vội rứt ra, làm đứt đầu Ve sau sẽ khó khỏi. Cách gỡ như sau:

- Lấy dầu xoa hay cồn chấm vào chỗ Ve đốt, Ve tự nhả và rơi ra, lấy vôi tôi bôi lên vết cắn.

https://trungtamthuoc.com/

- Lấy cây kim nhỏ hoặc một đoạn dây kim loại đốt nóng, rồi cắm vào thân Ve, nó sẽ tự rơi ra, lấy vôi nhuyễn bôi lên vết đốt.

- Nếu đầu Ve còn mắc trong da thịt sẽ gây đau, nhức, khó chịu, có khi phát sốt. Lấy thuốc Lào tẩm ướt đắp chỗ vết cắn, băng lại.

Cho uống bài thuốc sau:

Ké đầu ngựa	20g
Hoa Kim ngân	20g
Cỏ Chỉ thiên	20g
Bồ công anh	40g

Sắc với 2 bát nước, uống 2 lần/ngày đến khi khỏi.

c) Bọ giời leo:

Bài 1. Gạo sống 1 nắm giã nhỏ, luyện với nước thành hồ nhão đắp lên vết Giời leo, khi khô, tẩm thêm nước vo gạo, làm nhiều lần sẽ hết sưng tấy, đau nhức.

Bài 2. Đậu xanh 1 nắm giã nhỏ, luyện với nước cơm, đắp lên vết Giời leo, khi khô chỉ cần tẩm thêm nước cơm, làm như vậy nhiều lần cũng khỏi.

Bài 3. Lá Xoan leo 1 nắm rửa sạch, giã nhuyễn, đắp lên vết Giời leo, khi bị khô tẩm thêm nước cốt của lá Xoan leo, làm nhiều lần sẽ khỏi.

d) Bọ nẹt, sâu róm đốt:

Lấy tóc rối xát kỹ lên chỗ bị sưng tấy, hoặc lấy một nắm cơm hoặc xôi lăn nhiều lần cho dính hết lông sâu, sẽ giảm đau buốt.

https://trungtamthuoc.com/

Rau Má, rau Khoai lang, lá Khoai sọ, mỗi thứ 1 nắm giã nhuyễn, đắp lên chỗ bị ngứa.

7. CÚM

Triệu chứng: Bệnh phát thành dịch, lây rất nhanh trong mùa đông xuân. Biểu hiện các triệu chứng sau: Sốt cao, đau nhức nặng đầu và toàn thân gai rét, sợ gió, có hoặc không mồ hôi, khát nước, rêu lưỡi vàng mỏng, tiểu tiện vàng, chảy nước mắt, nước mũi, hắt hơi nhiều.

a) Bài thuốc:

- Thuốc đánh gió:

Lá Trầu không	3-5 lá
Dầu hoả	20ml

Lá Trầu không tẩm dầu hoả, xát hai bên cột sống lưng, ngực, tay, chân, khi da đỏ ửng là được.

- Thuốc uống:

Tỏi củ	6g
Lá Chanh	16g
Nghệ	16g
Lá Sung hoặc lá Mít	16g

Sắc với 2 bát nước lấy 1 bát. Nếu bệnh nhân không có mồ hôi, cho uống nóng. Nếu đã ra mồ hôi, uống nguội, 2-3 lần/ngày.

- Nước Tỏi phòng cúm:

Tỏi củ	10g
Nước lọc	100ml

https://trungtamthuoc.com/

Tỏi giã nhỏ, hoà nước lọc ngâm 6 giờ, lọc sạch bã, dùng ống hút, nhỏ mũi 5 - 6 lần/ngày, nhỏ cho cả đơn vị, dùng hết trong ngày, cần dùng hôm sau làm lại như trên trong cả đợt dịch.

b) Châm bấm huyệt:

- Không ra mồ hôi: Châm, bấm huyệt như trường hợp bị cảm hàn.

- Có mồ hôi, châm, bấm huyệt như trường hợp bị cảm nhiệt.

8. CHÀM

a) Bài thuốc:

- *Thuốc xông:* Nam Thương truật, Thiên niên kiện lượng bằng nhau. Thái mỏng, sao giòn, tán bột thô, cuộn trong giấy bản thành điếu bằng 2 điếu thuốc lá. Rửa sạch vết chàm bằng nước sắc lá Trầu không, thấm khô, đốt cháy điếu thuốc, xông khói trực tiếp 20-30 phút vào vết chàm, đắp mảnh gạc để giữ khói được lâu hơn. Xông 1-2 lần/ngày, mỗi đợt điều trị là 1 tuần.

- *Thuốc đắp:* Lá Chàm tươi rửa sạch, giã nhuyễn, đắp kín vết chàm 1 lần/ngày cho đến khi mềm da, bong vảy.

- *Chú ý:* Không chà xát, cạo xước vùng da bị chàm để phòng nhiễm trùng, tổn thương lan rộng, khó khỏi.

https://trungtamthuoc.com/

- *Thuốc uống:*

Thổ phục linh	16g
Vỏ Núc nác sao vàng	16g
Kim ngân hoa	16g
Lá Cối xay	16g

Rửa sạch, sắc với 3 bát nước, lấy 1 bát, chia làm 2 lần uống/ngày.

b) Châm bấm huyệt:

- Các huyệt quanh vùng bị chàm, các huyệt toàn thân: Khúc trì, Túc tam lý, Phong long, Huyết hải, Tam âm giao.

9. CHẢY MÁU CAM

(Không do tăng huyết áp hoặc chấn thương)

a) Bài thuốc:

Bài 1. Lá Dâu, cỏ Nhọ nồi mỗi thứ 16g.

Sắc với 3 bát nước, lấy 1 bát, uống nguội. Có thể giã nát vắt lấy nước uống, 1-2 lần/ngày.

Bài 2.	Lá Trắc bá sao vàng	16g
	Rau Má	16g

Sắc với 3 bát nước lấy 1 bát, uống 1-2 lần/ngày.

Chú ý: Uống thuốc kết hợp nút lỗ mũi bằng lá Dâu non, lá cỏ Nhọ nồi vò nát, đắp khăn ướt lên trán, nghỉ làm việc cho đến sau khi dừng chảy máu cam 6 giờ.

https://trungtamthuoc.com/

Bài 3. Rễ cỏ Tranh 16g
Lá Tre 16g
Thạch cao sống 50g

Sắc với 3 bát nước, lấy 1 bát, uống nhiều lần/ngày.

b) Châm bấm huyệt:

Các huyệt Nội đình, Hợp cốc, Thái uyên, Thái dương, Nghinh hương, Ấn đường, Thượng tinh. Châm tả vê kim mạnh, không lưu kim.

10. ĐÁI DẮT, ĐÁI BUỐT, ĐÁI ĐỤC

a) Bài thuốc:

Lá Đậu ván 16g
Bông Mã đề 16g
Lá Cối xay 16g
Lá Sắn dây 20g

Sắc với 3 bát nước lấy 1 bát, chia 2 lần uống/ngày.

Có thể dùng thay nước uống trong ngày.

b) Châm bấm huyệt:

Châm huyệt: Bàng quang du, Bát liêu, Thận du, Ủy trung, Chí thất, Tiểu trường du.

https://trungtamthuoc.com/

11. ĐAU BỤNG

(Loại trừ nguyên nhân cấp cứu ngoại khoa)

a) Bài thuốc:

- *Đau bụng do giun:* Cơn đau quặn bụng cho uống nước đường, cơn đau giảm tạm thời, có tiền sử ăn thức ăn sống không đảm bảo vệ sinh.

Lá Ngải cứu tươi	200g
Dấm thanh	20ml

Rửa sạch lá Ngải, giã nhuyễn, vắt nước cốt, hoà với dấm cho uống 1 lần.

- *Đau bụng do lạnh:* Nguyên nhân do ăn các món lạnh, hoặc nhiễm lạnh gây ra.

Gừng tươi 1 củ (10g) cạo vỏ ngoài, giã nát, lấy nước cốt, một phần cho thêm đường để uống, còn lại xoa quanh rốn.

- *Đau bụng do viêm loét dạ dày:*

Bài 1.	Củ Bình vôi	200g
	Bồ công anh	100g
	Lá Khổ sâm	100g
	Ngải cứu	60g

Sấy khô giòn, tán bột, rây mịn, bảo quản trong lọ kín. Uống 8g/lần với nước ấm, 2-3 lần/ngày khi đau.

Bài 2.	Vỏ Quýt khô	15g
	Cam thảo đất	10g

Sắc đặc, uống từng chén nhỏ khi đau.

https://trungtamthuoc.com/

- *Đau bụng do ăn uống:*

Củ Riềng khô	80g
Củ Gấu sao	40g
Ngải cứu	60g

Sấy khô, tán nhỏ, rây mịn, bảo quản trong lọ kín, gọi là bột: "Ngải - Riềng - Gấu". Uống 8g/lần, với nước ấm, ngày 3 lần.

b) Châm bấm huyệt:

Châm tả huyệt Trung quản, Thiên khu, Túc tam lý, Tỳ du, Vị du, Đại trường du. Đau bụng do lạnh nên cứu mồi Ngải hay điếu Ngải quanh rốn (Thần khuyết).

Chú ý: Sau khi uống thuốc 2-3 lần bệnh không thuyên giảm phải thay thuốc khác hoặc gửi người bệnh đi tuyến sau điều trị.

12. ĐAU CỔ, VAI, CÁNH TAY

a) Bài thuốc:

Củ Sắn dây	20g
Gừng tươi	06g
Quế chi	12g
Hành tăm	08g

Sắc với 3 bát nước, lấy 1 bát, uống 1 lần, uống 2-3 lần/ngày.

b) Châm bấm huyệt:

Xoa bóp cho mềm, giãn các khối cơ vùng cổ, gáy, lưng, vai. Châm tả các huyệt: Thiên trụ, Phế du,

https://trungtamthuoc.com/

Phong trì, Thiên tông, Kiên tỉnh, Huyền chung. Kết hợp tập vận động theo bài hướng dẫn, dán cao chỗ đau sẽ mang lại hiệu quả tốt.

Chú ý: Khi luyện tập, cần khởi động nhẹ sau đó bỏ dần áo quần, tránh gió lạnh thổi trực tiếp vào người, không gối đầu quá cao và nằm ở tư thế gò bó.

13. ĐAU ĐẦU

(Loại trừ do u não, tăng huyết áp, tăng nhãn áp)

a) Bài thuốc:

- Đau đầu do cảm mạo:

Dùng thuốc trong bài chữa cảm mạo phần trên, hoặc dùng bài thuốc sau:

Củ Gấu sao	12g
Bạc hà	08g
Cúc hoa	10g
Cây Xấu hổ	12g

Sắc Củ gấu, cây Xấu hổ với 3 bát nước, còn 1 bát, cho Bạc hà, Cúc hoa vào đun tiếp 5 phút, uống nóng 1 lần, uống 2-3 lần/ngày.

- *Đau đầu do các bệnh nội thương* (suy nhược thần kinh, thiếu máu, mất ngủ):

Hạt Tơ hồng xanh	16g
Lạc tiên	16g
Lá Dâu non	16g
Ngải cứu	08g

https://trungtamthuoc.com/

Các vị chặt ngắn, sao thơm, sắc với 3 bát nước, lấy 1 bát, uống 1 lần, uống 2-3 lần/ngày.

Cành lá Trâu cổ (cây Xộp, Bị lệ hay Vương bất lưu hành) 20-30g, sắc đặc làm nước uống hàng ngày.

b) Châm bấm huyệt:

Châm, lưu kim huyệt Bách hội, Tứ thần thông, Đầu duy, Phong trì, Thái dương, Hành gian, Túc tam lý, Tam âm giao. Kích thích nhẹ đầu kim hoặc day huyệt là đủ.

14. ĐAU MẮT ĐỎ

(Viêm kết mạc cấp, kể cả chắp lẹo mắt)

a) Bài thuốc:

Bài 1: Thuốc xông mắt:

Lá Dâu	10 lá
Lá Trầu không	3 lá

Vò nát, cho vào ca, đổ nước sôi, đưa mắt bị đau sát miệng ca để xông hơi nóng bốc lên trong 3 phút, làm 2 lần/ngày. Dùng nước này rửa mắt hàng ngày càng nhanh khỏi.

Bài 2. Thuốc nhỏ mắt bằng mật lợn: Dịch mật lợn 10ml pha với nửa thìa dầu Vừng hoặc dầu Lạc, đun nhỏ lửa, khi có bọt nổi lên cho thêm 1 thìa mật ong vào hoà tan, để sôi 2 phút, để nguội, đóng vào tuýp nhỏ mắt; nếu dịch đậm đặc có thể vê thành viên nhỏ như

https://trungtamthuoc.com/

hạt Cải để vào mỗi mắt 1 viên, sau 1 phút dịch sẽ tan trong mắt, làm 2-3 lần/ngày cho tới khi hết đỏ cộm.

b) Châm bấm huyệt:

- Chích, nặn máu huyệt: Tình minh, Toản trúc, Đồng tử liêu, Tỵ trúc không, Ngư yêu, Dương bạch.

- Chích huyệt Thái dương, Nhĩ tiêm, nặn 2-3 giọt máu. Phương pháp này làm càng sớm càng có công hiệu cao, chỉ làm 1-2 lần.

15. ĐAU MỎI THẮT LƯNG

a) Bài thuốc:

Cỏ Xước sao muối	16g
Tầm gửi cây Bưởi sao	16g
Rễ Cà gai leo sao	16g
Cây Xấu hổ sao	16g
Tua rễ Si sao	12g
Rễ Dứa gai sao	16g

Chặt ngắn 3cm, sao vàng, sắc với 3 bát nước, lấy 1 bát, uống 2 lần/ngày, mỗi đợt điều trị từ 5-7 ngày.

b) Châm bấm huyệt:

Xoa bóp, châm các huyệt: Chí thất, Bát liêu, Thận du, Bàng quang du, Hoàn khiêu, Ủy trung.

Vận động theo các tư thế nghiêng phải, trái, cúi, ngửa, quay thắt lưng 10-15 lần, tập đều hàng ngày có tác dụng hồi phục nhanh.

https://trungtamthuoc.com/

16. ĐAU NHỨC RĂNG

a) Bài thuốc:

Vỏ cây Ruối	50g
Củ Gấu	50g
Cồn 70^0	100ml

Tước vỏ ngoài cây Ruối, cắt ngắn 1cm, củ Gấu bỏ vỏ đen lấy nhân trắng, giã nát, ngâm ngập trong cồn, sau 7 ngày lấy dùng dần. Tẩm bông cầu vừa ngấm thuốc, nhét vào chỗ răng bị đau ngậm 15 phút, làm nhiều lần trong ngày đến khi hết đau.

b) Châm bấm huyệt:

- Răng hàm trên châm huyệt Hạ quan, Ế phong, Thính cung, Nội đình, Nghinh hương.
- Răng hàm dưới châm huyệt Giáp xa, Thừa tương, Thái khê, Hợp cốc bên đối diện.

Chú ý: Cách điều trị này chỉ giảm triệu chứng. Cần phải đi khám chuyên khoa để điều trị nguyên nhân.

17. ĐAU THẦN KINH LIÊN SƯỜN

a) Bài thuốc:

Nghệ đen sao	12g
Củ Gấu sao cháy lông	16g
Vỏ Quýt sao	08g
Rau Má sao	16g
Tua rễ Si sao	12g
Củ Sắn dây khô	20g

Sắc với 3 bát nước, lấy 1 bát, uống 2 lần/ngày.

https://trungtamthuoc.com/

b) Châm bấm huyệt:

Điện châm huyệt Chương môn. Kỳ môn. Hành gian. Huyền chung.

Chú ý: Châm các huyệt vùng ngực phải châm nghiêng kim. đề phòng rách màng phổi gây tai biến tràn khí.

18. ĐẦY BỤNG

a) Bài thuốc:

Củ Gấu sao cháy vỏ	16g
Vỏ Quýt sao	12g
Củ Sả sao	12g
Gừng tươi	06g
Vối (nụ, lá, vỏ cây)	12g

Sắc với 3 bát nước, lấy 1 bát, uống 2 lần/ngày.

b) Châm bấm huyệt:

Cứu huyệt: Trung quản, Thiên khu, Túc tam lý, Tỳ du, Vị du, Đại trường du.

19. ĐỈA CẮN, VẮT CẮN

a) Thuốc chống đỉa, vắt cắn:

Bột Bồ hóng bếp, Vôi bột, bột Thuốc lào số lượng bằng nhau, trộn đều. Khi đi rừng hay lội nước, cho

https://trungtamthuoc.com/

bột vào túi vải mỏng, buộc túm trên đầu gậy nhỏ, nhúng nước cho ướt. Khi bị đỉa, vắt cắn chấm túm bột vào đỉa, vắt, nó sẽ nhả ra, vết thương tự cầm máu.

b) Chữa đỉa, vắt chui vào âm đạo, vào tai:

- *Mật ong*: Đỉa, vắt chui vào lỗ tai, nhỏ vào tai 3-5 giọt mật ong, nằm nghiêng để giữ mật trong tai.

Đỉa, vắt chui vào âm đạo: lấy bơm tiêm hút 10-15ml mật ong bơm vào âm đạo, đỉa tự chui ra, làm 1-2 lần/ngày.

- *Nước vôi trong:* Nhỏ nước vôi nhạt vào đầy lỗ tai hoặc bơm nước vôi nhạt vào âm đạo, sau vài phút, đỉa, vắt tự chui ra. Dùng nước Phèn chua hoặc nước muối rửa lại để tránh bội nhiễm.

20. GHẺ

a) Nước tắm:

Lấy 1-3 loại lá: Lá Lim, lá Xà cừ, lá Xoan, lá Xoan leo, lá Ba chạc, lá Cỏ lào, lá Cúc tần, lá Bồ giác. Đun sôi trong nồi 20 lít, thêm 20g phèn chua, để nguội, làm nước tắm, cách 1 ngày tắm một lần, dùng cho nhiều người.

Chú ý:

- Không chà xát vùng da có nốt ghẻ gây xước da, chảy máu dễ nhiễm trùng.

- Ghẻ nhiễm trùng mưng mủ, không dùng lá Lim, lá Xà cừ, lá Xoan để tránh bị độc.

- Luộc, ngâm quần áo, chăn, chiếu khi thay giặt.

https://trungtamthuoc.com/

b) Thuốc bôi:

Bài 1.

Rễ, cành, lá Kiến cò	20g
Rễ cây Muồng trâu	20g
Rượu trắng 45^0	100ml

Cắt ngắn, giã giập, ngâm trong rượu một tuần, lấy que bông tẩm rượu thuốc, bôi lên chỗ ghẻ, ngày bôi 2-3 lần.

Bài 2.

Hạt Máu chó	50g
Dầu Vừng	100ml

Hạt Máu chó giã nát, đun sôi trong dầu Vừng 15 phút, để nguội, bôi lên chỗ ghẻ 2-3 lần/ngày.

Bài 3.

Hạt cây Củ đậu	50g
Dầu Vừng hoặc dầu Lạc	100ml

Nhân hạt cây Củ đậu giã nát, đun sôi trong dầu Vừng 15 phút, để nguội, bôi lên chỗ ghẻ 2-3 lần/ngày.

Chú ý: Hạt cây Củ đậu có độc, phải cẩn thận không được ăn hoặc bôi trong miệng.

Bài 4.

Vỏ trắng cây Xoan (thái mỏng)	50g
Quả Bồ kết (bỏ hạt)	50g
Dầu Vừng hoặc dầu Lạc	100ml

Vỏ trắng cây Xoan và quả Bồ kết sao giòn, tán bột, rây mịn, trộn với dầu Vừng thành cao sền sệt, bôi lên chỗ ghẻ 1-2 lần/ngày.

https://trungtamthuoc.com/

Bài 5.

Lá Hẹ	100g
Lưu huỳnh	25g (tán mịn)

Lá Hẹ băm nhỏ, sao với dầu Lạc hoặc dầu Vừng, khi chín thì cho bột Lưu huỳnh vào, đảo đều, lấy vải gói kỹ, chà xát nơi bị ghẻ 1-2 lần/ngày.

21. HẮC LÀO

a) Nước tắm:

Bồ kết	12g
Phèn chua	20g

Cho nước đủ tắm, đun sôi, để ấm, tắm xong lau khô người và bôi thuốc vào chỗ Hắc lào.

b) Thuốc bôi:

Bài 1.

Vỏ cây Đại tươi (cạo bỏ vỏ ngoài)	50g
Củ Chút chít	50g
Cồn 70^0	200ml

Rửa sạch, giã nát, ngâm trong cồn 7 ngày, bôi vết Hắc lào 1-2 lần/ngày.

Bài 2.

Hạt Muồng trâu tươi	20g
Hạt Bồ kết tươi	12g
Cồn 70^0	100ml

Giã giập, ngâm trong cồn 7 ngày, bôi vết Hắc lào ngày 1-2 lần.

Bài 3.

Cây Kiến cò	50g
Cồn 70^0	100ml

https://trungtamthuoc.com/

Lá, rễ, cành Kiến cò cắt ngắn, giã nát, ngâm trong cồn 7 ngày, bôi lên vết Hắc lào 1-2 lần/ngày.

Bài 4. Rễ Bạch hoa xà 100g (bỏ lõi)
Cồn 70^0 200ml

Ngâm vỏ rễ trong cồn 7 ngày, bôi lên chỗ Hắc lào 1-2 lần/ngày.

Chú ý: Cần thay, luộc quần áo đều đặn, phơi nắng để diệt nấm.

Không chà xát, làm sây xước vùng Hắc lào, đề phòng gây nhiễm trùng, nấm xâm lấn sâu hơn, khó chữa.

22. HO

a) Ho do cảm mạo:

Ho là triệu chứng sớm của bệnh viêm đường hô hấp do nguyên nhân viêm nhiễm khác ở mũi họng và phế quản phổi. Đơn thuốc chữa ho cần kết hợp với bài thuốc có tác dụng giảm ho dưới đây:

Cam thảo đất	10g
Vỏ Quýt	10g
Lá Chanh	10g
Vỏ Hồng bì	10g
Lá Quýt gai	10g
Lá Xương sông	10g
Lá Hẹ	20g
Cúc hoa	10g

https://trungtamthuoc.com/

Sắc với 3 bát nước, lấy 1 bát, uống nóng, ngậm nuốt dần, uống nhiều lần trong ngày.

b) Ho do viêm đường hô hấp mạn tính:

- Bài thuốc chữa ho có nhiều đờm:

Vỏ Quýt sao	08g
Hạt Cải củ sao	12g
Thổ phục linh sao	16g
Cam thảo nam sao	08g
Bán hạ chế	08g

Sắc với 3 bát nước, lấy 1 bát, chia 2 lần uống trong ngày.

*Chế Bán hạ: Củ Bán hạ thái lát, ngâm nước vo gạo 3 ngày đêm, rửa sạch, ngâm ngập trong nước phèn 20% một ngày, để ráo nước, tẩm nước cốt Gừng (1 cân Bán hạ với 200g Gừng) ủ 1 đêm cho thấm đều, sao vàng, khi Bán hạ không còn vị ngứa mới dùng được.

- Bài thuốc chữa ho khan:

Vỏ trắng rễ Dâu	12g
Bạc hà	08g
Lá Chanh	16g
Mạch môn	12g
Cúc hoa	08g

Sắc với 3 bát nước, lấy 1 bát, uống làm nhiều ngụm, ngậm và nuốt dần, có tác dụng giảm ho tốt hơn.

*Chế vỏ rễ Dâu và Mạch môn: Rễ Dâu cạo bỏ vỏ đỏ, cắt ngắn 3cm, ngâm nước gạo một đêm, để ráo nước, tẩm mật, sao vàng. Củ Mạch môn đồ chín, rút bỏ lõi, phơi khô để dùng dần.

https://trangiamthuoc.com/

c) Châm bấm huyệt:

Chích nặn 2 giọt máu huyệt Thiếu thương mỗi ngày 1 lần. Làm không quá 3 lần.

23. ỈA CHẢY

a) Bài thuốc:

· *Ỉa chảy do bị lạnh:* Không khát nước, đau bụng lâm râm, phân lỏng như nước, mùi tanh, ỉa trên 3 lần/ngày.

Bài 1.

Gừng tươi nướng hoặc sao	8g
Riềng sao	12g
Củ Sả sao	12g
Búp Ổi sao	06g

Sắc với 2 bát nước trong 5 phút, hoà thêm 1 thìa đường (5g), chia nhiều lần uống trong ngày.

Bài 2.

Cỏ Seo gà	50g
Rễ Sim sao vàng	16g

Sắc đặc lấy 1 bát, uống 1-2 lần/ngày.

· *Ỉa chảy do nhiệt*: Khát nước, bụng đau đầy trướng, phân khẳm nặng mùi, hậu môn nóng rát.

Bài thuốc:

Búp Tre non	16g
Vỏ Quýt khô	8g
Rau Má	16g
Bông Mã đề	16g
Lá Mơ tam thể	16g

Sắc với 3 bát nước, lấy 1 bát, chia 2 lần uống trong ngày.

https://trungtamthuoc.com/

b) Châm bấm huyệt:

- *Ỉa chảy do bị lạnh:* Châm bổ huyệt Thiên khu, Công tôn, Trung quản, Nội đình, Túc tam lý, Quan nguyên.

- *Ỉa chảy do nhiệt:* Châm tả nhóm huyệt như trên.

24. KHÍ HƯ (HUYẾT TRẮNG)

a) Bài thuốc:

- *Bài thuốc thụt rửa âm đạo:*

Bài 1. Lá Nhội 100g
Phèn chua 50g

Đổ nước ngập thuốc, đun sôi 15 phút, để ấm, lấy bơm hút nước sắc thụt rửa âm đạo 2 lần/ngày.

Bài 2. Lá Khổ sâm 1kg, cho nước ngập thuốc, sắc đặc, bơm hút nước sắc thụt rửa âm đạo như trên.

- *Bài thuốc uống:*

Rễ Xích đồng nam sao 16g
Rễ Bạch đồng nữ sao 16g
Bồ cu vẽ sao 16g

Sắc với 3 bát nước, lấy 1 bát, chia 2 lần uống trong ngày.

b) Châm bấm huyệt:

Châm tả hoặc châm điện huyệt Hành gian, Tam âm giao, Túc tam lý, Phong long.

https://trungtamthuoc.com/

25. LIỆT DÂY THẦN KINH VII NGOẠI BIÊN

a) Bài thuốc:

- Bài thuốc uống:

Lá Thông tươi	500g
Rượu trắng 40^0	1 lít

Giã nát lá Thông, ngâm trong rượu 3 ngày, lọc qua gạc, bảo quản trong chai lọ kín, uống 50-100ml/ngày, chia làm 2 lần; khi đầu, mặt ra mồ hôi là tiên lượng tốt.

- Thuốc đắp ngoài:

Lá Thầu dầu tía 8g giã nát, đắp bên bị liệt, thay thuốc hàng ngày đến khi mặt trở lại bình thường. Sao muối nóng, gói trong khăn, chườm tại chỗ 15 phút, 1 lần/ngày.

b) Châm bấm huyệt:

Châm điện, xoa bóp, bấm kết hợp với cứu nóng tại chỗ 1 lần/ngày các huyệt Hạ quan, Trung quản, Giáp xa, Nội đình, Liêm tuyền, Túc tam lý.

Chú ý: Không lạm dụng châm điện có thể gây co cứng cơ sau điều trị.

26. MẨN NGỨA, DỊ ỨNG

a) Bài thuốc:

- Bài thuốc nấu nước tắm: Lá, hoa Khế 1.000g, nấu nước tắm hoặc lau người hàng ngày.

https://trungtamthuoc.com/

- Bài thuốc uống:

Bài 1.	Lá Đơn đỏ	20g
	Lá Xấu hổ	20g
	Lá Cối xay	20g

Sắc với 3 bát nước, lấy 1 bát, làm nước uống nhiều lần/ngày.

Bài 2.	Kim ngân hoa hoặc dây	12g
	Hoa rau Húng chó	12g
	Hoa Kinh giới	12g

Sắc với 3 bát nước, lấy 1 bát, uống nhiều lần/ngày.

Bài 3.	Vỏ Núc nác	12g
	Đơn mặt quỷ	12g
	Thổ phục linh	12g
	Cỏ Chỉ thiên	12g

Sắc với 3 bát nước, lấy 1 bát, uống 2-3 lần/ngày.

Bài 4.	Kim ngân hoa	12g
	Lá Cối xay	12g
	Hoa Khế tươi	30g
	Bạch chỉ nam	12g

Sắc với 3 bát nước trong 15 phút, làm nước uống nhiều lần trong ngày.

b) Châm bấm huyệt:

Chích nặn máu các huyệt Khúc trì, Đại chùy, Huyết hải.

https://trungtamthuoc.com/

27. MẤT NGỦ

a) Bài thuốc:

Bài 1.	Dây Lạc tiên	16g
	Lá Vông khô	16g
	Cây Xấu hổ	16g
	Lá Dâu khô	16g

Chặt ngắn 3cm, sao thơm, sắc với 3 bát nước, lấy 1 bát, uống nóng, uống 2 lần/ngày.

Bài 2.	Củ Bình vôi sao	6g
	Tâm sen sao vàng	6g
	Chè vằng sao	6g

Hãm nước sôi làm trà, uống thay nước trong ngày.

b) Châm bấm huyệt:

Châm bổ các huyệt Nội quan, Bách hội, Túc tam lý, Thần môn, Khúc trì, Tam âm giao.

28. NẤC

a) Bài thuốc:

Tai quả Hồng	15 cái
Lá Tre non hoặc Tinh tre	16g

Sắc với 3 bát nước, lấy 1 bát, uống 1-2 lần/ngày.

b) Châm bấm huyệt:

Châm tả các huyệt Hợp cốc, Nội quan, Chương môn, Thái xung.

https://trungtamthuoc.com/

29. NẤM KẼ CHÂN

a) Thuốc ngâm rửa:

Lá Trầu không	8g
Lá Ráy	50g
Phèn chua	20g

Đổ nước ngập thuốc, đun sôi, để nguội, ngâm chân trong nước thuốc 15 phút/ngày, đến khi hết ngứa, da kẽ chân sẽ mềm mịn.

Chú ý: Không ngâm nước quá nóng có thể làm loét rộp da kẽ chân.

b) Thuốc bột:

Chế bột Phèn thay thuốc ngâm: Lấy Phèn chua phi, tán mịn, rửa sạch chân, xát bột Phèn phi vào các kẽ chân 1-2 lần/ngày.

30. NGẤT

Đột nhiên ngã vật, bất tỉnh nhân sự, da tái hoặc trắng bệch, tay chân lạnh, mồ hôi lạnh, mắt lờ đờ hoặc nhắm, mạch nhanh, khó bắt, thở yếu.

a) Bài thuốc cấp cứu:

- *Gây kích thích hắt hơi:* Quả Bồ kết bỏ hạt, sao giòn, tán mịn, bảo quản trong lọ kín để dùng. Khi cấp cứu người bị ngất dùng ít bột (3-5g) thổi vào sâu trong 2 lỗ mũi nếu hắt hơi được, bệnh nhân sẽ tỉnh.

https://trungtamthuoc.com/

Lấy lông gà hoặc tăm bông kích thích nhẹ niêm mạc trong mũi để gây hắt hơi.

- *Nếu chân tay lạnh cho uống:*

Gừng tươi	12g
Tỏi	4g

(không có Tỏi dùng Hành tươi thay thế).

Giã nhỏ, pha thêm một chén nước sôi, vắt lấy nước, đổ vào miệng cho người bệnh uống ít một sẽ tỉnh dần.

b) Châm bấm huyệt:

Châm hoặc day bấm huyệt Nhân trung, Nội quan, Thập tuyền, Bách hội.

31. NGỘ ĐỘC THỨC ĂN

a) Ngộ độc Sắn:

Xuất hiện ngộ độc sau ăn dưới 2 giờ, nhanh chóng ngoáy họng cho nôn ra càng sớm càng tốt. Sau nôn, cho uống các loại nước: Mật mía pha nước, nước đường, nước cốt rau Má, nước cốt lá Sắn dây, pha thêm chút Gừng tươi. Uống một loại hoặc pha lẫn đều được.

b) Ngộ độc Dứa:

Vỏ Dứa đã gọt	40g
Cam thảo đất	40g
Rau Má	40g

Sắc lấy nước uống, pha thêm vài hạt muối.

https://trungtamthuoc.com/

c) Ngộ độc nấm:

Ngoáy họng cho nôn ra thức ăn trong dạ dày càng sớm càng có cơ hội cứu sống. Nếu còn tỉnh cho uống thuốc sau:

Bài 1. Mộc nhĩ hoặc Nấm hương 40g
Đậu xanh tán nhỏ 40g
Sắc đặc lấy nước uống.

Bài 2. Lá Khoai lang sống 100g, giã vắt lấy nước cốt cho uống một lần.

Bài 3. Cho uống nước Mía và ăn cháo Đậu xanh.

d) Ngộ độc rượu:

Trước hết kích thích họng cho nôn, sau đó cho uống nước cốt 1 trong 4 loại sau:

- Búp lá Dong 100g.
- Búp Cau non 100g.
- Rau Má + nước Chanh.
- Địa liền (100ml).

Thuốc bôi ngoài: Dùng Vôi tôi nhuyễn bôi dưới gan hai bàn chân, huyệt Dũng tuyền.

e) Ngộ độc thuốc nói chung:

Nguyên tắc xử trí chung: Cần nhất là phát hiện sớm, gây nôn, sau đó mới cho uống thuốc giải độc dưới đây:

- Nước cốt rau Muống mỗi lần 200ml, uống 2 lần/ngày.
- Củ Khúc khắc 100g, sắc đặc, ngày uống 2 lần.

https://trungtamthuoc.com/

g) Ngộ độc thuốc phiện:

Bài thuốc kinh nghiệm: Bông gòn 100g, đốt thành than, pha với nước lã, đun sôi để uống.

h) Ngộ độc hạt Mã tiền:

Bài thuốc kinh nghiệm:

- Gỉ sắt 100g, tán bột mịn hoà với nước sôi, gạn bỏ bã, lấy nước trong để uống.

- Nước cốt rau Muống sống uống 1 bát/lần, uống liên tục đến khi hết co giật.

i) Ngộ độc Thạch tín (thuốc diệt chuột):

Bài thuốc kinh nghiệm:

Bột hạt Xuyên tiêu 100g (còn gọi là quả Đắng cay, hột Sẻ hoặc gọi là cây Lưỡng diện châm) trộn với sáp ong vừa đủ, luyện thành viên, uống 2 lần/ngày, mỗi lần 10g.

k) Ngộ độc thuốc sâu:

Bị nhiễm thuốc sâu do tiếp xúc trực tiếp hoặc qua các loại rau quả có phun thuốc sâu, bị ngộ độc nhưng không co giật, hôn mê. Cho uống nước Chanh và ăn cháo Đậu xanh sau khi đã cho nôn.

32. NHỨC MỎI KHỚP

a) Bài thuốc:

- *Thuốc xoa bóp:*

Quế chi	20g
Bạch hoa xà	20g

https://trungtamthuoc.com/

Đại hồi	20g
Gừng	20g
Rượu 40^0	200ml

Chặt ngắn 3cm, Gừng giã dập, ngâm trong rượu 10 ngày, dùng rượu xoạ bóp chỗ đau nhức.

- *Thuốc uống:*

Thân rễ Cà gai leo	16g
Cây Xấu hổ (cả rễ)	16g
Cây lá Lốt (cả rễ)	16g
Rễ Dứa dại	16g
Cỏ Xước	16g
Rễ Tầm sọng	16g
Cam thảo nam	10g

Sao vàng, sắc với 3 bát nước, lấy 1 bát, chia 2 lần uống trong ngày.

b) Châm bấm huyệt:

Chủ yếu xoa bóp, day ấn các huyệt: A thị, Túc tam lý, Huyết hải, Phong trì, Khúc trì, Ủy trung.

33. NÔN MỬA

a) Bài thuốc:

Gừng tươi	12g
Vỏ Quýt	08g
Gạo rang	12g
Hoa Cúc	12g

Sắc với 3 bát nước, lấy 1 bát, chia 2 lần uống trong ngày.

https://trungtamthuoc.com/

b) Châm bấm huyệt:

Các huyệt Thiên khu, Nội quan. Trung quản, Túc tam lý, Nội đình.

34. RẮN CẮN

Nguyên tắc xử trí:

- Garô sát trên vết rắn cắn (garô tĩnh mạch).
- Rạch rộng vết cắn, nặn máu hoặc dùng giác hút.
- Dùng thuốc cấp cứu, nhanh chóng chuyển về tuyến sau.

a) Thuốc đắp:

Lấy một quả trứng gà, khoét một lỗ vừa bằng vết cắn, ép lên vết rắn cắn 30 phút đến 1giờ, thay quả khác cho đến khi nạn nhân hết triệu chứng độc.

b) Thuốc uống:

Bài 1.	Lá Trầu không	40g
	Phèn chua	20g
	Gừng tươi	80g
	Vôi	20g
	Quế chi	80g

Vôi, Quế, Phèn tán bột, Gừng, Trầu không giã nhỏ lấy nước cốt trộn với thuốc bột, thêm ít hồ làm viên 10g/viên, phơi khô bảo quản, dùng dần. Mỗi lần uống 1 viên và lấy 1 viên mài với nước bôi lên vết rắn cắn. Tuỳ theo mức độ tổn thương, lặp lại 3 lần/ngày.

https://trungtamthuoc.com/

Bài 2. Hạt Vông vang, hạt Hồng bì, hạt Bông báo, lượng bằng nhau, sao vàng, tán bột, bảo quản trong lọ kín, khi bị rắn cắn, uống 4-6g/lần, 2-4 lần/ngày với nước nóng.

Bài 3. Phèn chua phi, Cam thảo, lượng bằng nhau tán bột, uống 4g/lần, ngày 2-3 lần.

Bài 4. Thuốc Lào 4-8g, nhai nuốt nước, bã đắp lên vết rắn cắn.

Bài 5. Lá cây Kim vàng 12g
Phèn phi 04g

Nhai nuốt nước, bã đắp vết rắn cắn, 30 phút làm lại một lần.

Chú ý: Phải bình tĩnh và nắm vững nguyên tắc xử trí khi bị rắn cắn.

Chuẩn bị sẵn thuốc để khi có bệnh nhân cấp cứu rắn cắn mới có thuốc uống kịp thời.

35. RẾT CẮN

Bài thuốc:

- *Thuốc bôi:* Lấy vỏi tôi nhuyễn bôi lên vết rết cắn càng sớm càng tốt.

- *Thuốc uống:* Cỏ Chỉ thiên (tươi) 16g
Rau Rệu 16g
Rau Thài lài 16g

Dùng 1 trong 3 loại cây kể trên, rửa sạch, nhai nuốt nước, bã đắp lên vết rết cắn, ngày 1-2 lần.

https://trungtamthuoc.com/

36. RỐI LOẠN KINH NGUYỆT

Chỉ dùng thuốc cho một số bệnh lý sau: đau bụng kinh, kỳ kinh nguyệt sớm hoặc muộn trên 5 ngày, rong kinh trên 1 tuần.

a) Bài thuốc:

Thuốc điều kinh:

Bài 1. Ngải cứu sao 16g
Ích mẫu sao 16g
Nhân trần 16g
Củ Gấu sao 12g

Sắc với 3 bát nước, lấy 1 bát, chia 2 lần uống trong ngày.

Bài 2. Lá Ngải cứu sao 16g
Củ Gấu sao 12g
Rễ Bạch đồng nữ sao 16g
Cây Xấu hổ sao 16g
Dây Vảy ốc (Trâu cổ) sao 16g

Sắc với 3 bát nước, lấy 1 bát, chia 2 lần uống trong ngày.

b) Châm bấm huyệt:

Châm bổ huyệt Hành gian, Túc tam lý, Tam âm giao, Huyết hải, Nội quan.

https://trungtamthuoc.com/

37. SAY NẮNG, SAY NÓNG

Nguyên tắc:

- Thể nhẹ: Điều trị tại đơn vị.

- Thể nặng: Cấp cứu bước đầu bằng y học hiện đại kết hợp y học cổ truyền rồi gửi tuyến sau giải quyết.

a) Bài thuốc:

- Thể nhẹ:

Bài 1. Mía róc vỏ 2 đoạn
Lá Hương nhu (tươi) 100g
Lá Tre (tươi) 100g
Lá Sắn dây 100g

Rửa sạch, giã nát, vắt lấy nước cốt, cho thêm một nhúm muối, cho uống làm nhiều lần.

Bài 2. Lá Sen (tươi) 100g
Lá Dâu 100g
Lá Đậu ván 100g

Cách làm như bài 1.

- Thể nặng: Bán hôn mê, hôn mê.

Uống 1 trong 2 bài thuốc trên, liên tục cho đến khi tỉnh.

Phòng say nắng, say nóng:

Những ngày trời nắng gắt, bộ đội luyện tập dã ngoại, ngoài việc chuẩn bị ngụy trang che nắng, đội mũ, lưu thông khí... cần chuẩn bị đủ lượng nước uống phòng say nắng theo công thức sau:

https://trungtamthuoc.com/

Rau Má 1 phần
Lá Tre 2 phần
Lá Sắn dây 1 phần (hoặc lá Đậu ván)

Các lá rửa sạch, đổ ngập nước, đun sôi 15 phút, chắt lấy nước, pha ít muối cho bộ đội mang theo ra bãi tập uống trong ngày.

b) Châm bấm huyệt:

- Thể nhẹ: Châm bổ các huyệt Túc tam lý, Nội quan. Châm tả các huyệt Đại chùy, Nội đình, Hợp cốc.
- Thể nặng: Châm tả các huyệt Nhân trung, Thập tuyền.

Chích nặn máu huyệt Thiếu thương.

38. SỐT CAO

a) Bài thuốc:

Bài 1.

Lá Tre non	16g
Lá Dâu non	16g
Lá Sắn dây	16g

Sắc với 3 bát nước lấy 1 bát, uống nguội 2-3 bát/ngày.

Bài 2. Thân cây Chuối 40cm. Bóc bỏ bẹ già bên ngoài, vắt lấy nước cho uống 2-3 lần/ngày.

b) Châm bấm huyệt:

Châm tả các huyệt Hợp cốc, Khúc trì, Đại chùy, Nội đình, Túc tam lý.

https://trungtamthuoc.com/

39. TÁO BÓN

a) Bài thuốc:

Bài 1. Vỏ cây Đại, cạo bỏ lớp bì cứng ngoài cùng, thái nhỏ, sao vàng, tán bột, luyện với hồ làm viên bằng hạt ngô, ngày uống 1-2g vào buổi sáng khi ngủ dậy.

Bài 2. Canh nhuận tràng:

Ngọn lá Khoai lang	50g
Rau Má	50g
Rau Đay	50g
Rau Mồng tơi	50g

Rửa sạch, nấu làm canh ăn hàng ngày.

Bài 3. Rễ Chút chít 08g
Lá Muồng trâu 08g

Rửa sạch, sắc với 3 bát nước lấy 1 bát, thay nước uống hàng ngày.

Bài 4. Vừng (trắng hoặc đen) 1 chén, rang chín, trộn với 1 thìa đường, ăn 1 lần/ngày.

Bài 5. Củ Khoai lang khoảng 200g, rửa sạch, gọt vỏ ngoài, ăn sống lúc đói, 1 lần/ngày.

Bài 6. Hạt Muồng trâu và nụ hoa Hoè, khối lượng bằng nhau, sao qua, hãm như trà uống thay nước.

b) Châm bấm huyệt:

Xoa bóp vùng bụng hoặc châm huyệt Trung quản, Túc tam lý, Hành gian, Khí hải, Thiên khu, Tam âm giao, Âm lăng tuyền.

https://trungtamthuoc.com/

40. VIÊM DA LỞ LOÉT

a) Bài thuốc:

- Nấu nước thuốc rửa: Dùng 1 trong những thứ lá sau:

Trầu không	Lá Mần tưới
Lá Bồ giác	Lá Sòi
Lá Ba chạc	Lá Mỏ quạ

Rửa sạch, đổ ngập nước, đun sôi, cho thêm 20g Phèn chua, dùng để tắm, rửa hết mủ bề mặt vết loét, sau đó đắp gạc tẩm nước sắc cây Thồm lồm.

- Thuốc đắp ngoài:

Thồm lồm	20g
Lá Đuôi phượng	10g
Lá Trầu không	10g
Lá Chó đẻ răng cưa	10g
Lá Cóc mẳn	10g
Lá Mỏ quạ	10g
Lá Bồ cu vẽ	10g

Rửa sạch, cho một thìa muối (10g), giã nát, vắt lấy nước, bôi vết loét 3-5 lần/ngày. Cây Thồm lồm là vị chủ yếu, tác dụng làm mau lành vết thương, các loại lá khác có tác dụng phối hợp không nhất thiết phải đủ.

- Thuốc uống:

Bài 1.

Kim ngân hoa	16g
Lá Cối xay	16g
Cỏ Chỉ thiên	16g
Sài đất	16g
Dây Thồm lồm	16g

https://trungtamthuoc.com/

Rửa sạch, sắc với 3 bát nước, lấy 1 bát, chia 2-3 lần uống trong ngày.

Bài 2. Chó đẻ răng cưa 16g
Sài đất 16g
Bồ cu vẽ 16g
Đơn đỏ 12g
Đơn mặt quỷ 12g

Cách làm và sử dụng như bài 1.

b) Châm bấm huyệt:

Các huyệt Hợp cốc, Âm lăng tuyền, Tam âm giao, Giản sử, Phong long, Túc tam lý.

Chú ý: Phải luộc quần áo khi thay.

Bệnh nhân có đau nhiều hoặc sốt mới châm kết hợp.

41. VIÊM HỌNG

a) Bài thuốc:

Bài 1. Lá Rẻ quạt tươi 1-2 miếng bằng ngón tay.
Muối ăn.

Rửa sạch lá, nhai giập, ngậm cùng vài hạt muối, khi thấy nóng trong họng thì nhổ ra, ngày ngậm 1-2 lần, có thể nuốt nước.

Bài 2. Lá Chua me đất 50g
Muối 02g

Rửa sạch lá thuốc, nhai và nuốt nước từ từ.

Bài 3. Lá Húng chanh 3 - 5 lá
Muối 02g

Rửa sạch, nhai giập, ngậm và nuốt nước dần.

https://trungtamthuoc.com/

Bài 4.

Rễ Đậu chiều	8g
Sài đất	20g
Lá hoặc rễ Rẻ quạt	8g
Nghệ tươi	8g

Sắc với 3 bát nước lấy 1 bát, mỗi lần uống một phần ba bát, 30 phút uống 1 lần cho đến hết.

b) Châm bấm huyệt:

- Chích nặn máu huyệt Thiếu thương.
- Châm các huyệt Phong trì, Hợp cốc, Ngư tế, Liêm tuyền.

42. VIÊM MŨI DỊ ỨNG

a) Bài thuốc:

- *Thuốc xông:*

Lá Bạc hà	12g
Cây Cứt lợn	12g
Hương nhu	12g

Rửa sạch, cho vào ca, đổ nước sôi gần đầy ca, quây khăn trùm mặt trên ca thuốc, xông hơi trực tiếp vào mũi 15 phút, xông 1-2 lần/ngày.

- *Thuốc uống:*

Hoa Kinh giới	8g
Hoa Húng chó	8g
Bạc hà	8g

https://trungtamthuoc.com/

Lá Cối xay	12g
Lá cây Cứt lợn	12g

Rửa sạch, sắc với 3 bát nước, lấy 1 bát, chia 2 lần uống trong ngày.

- Cồn thuốc để ngửi:

Lá cây Cứt lợn	20g
Lá Hương nhu	20g
Lá Bạc hà	20g
Cồn 70^0	200ml

Rửa sạch, cắt ngắn, ngâm vào cồn 7 ngày, đóng vào tuýp nhỏ, nhỏ vài giọt vào lỗ mũi, nhỏ nhiều lần trong ngày.

b) Châm bấm huyệt:

Châm hoặc day các huyệt Nghinh hương, Thượng tinh, Hợp cốc, Phong trì, Ấn đường.

43. VIÊM TAI GIỮA CHẢY MỦ

Dưới đây là các bài thuốc điều trị tại chỗ, phải kết hợp điều trị toàn thân.

a) Bài thuốc:

Bài 1. Bột than xác Rắn lột, bột than xác Ve sầu, lượng bằng nhau, bột Phèn phi bằng lượng cả 2 loại

https://trungtamthuoc.com/

trên. Đốt xác Rắn và xác Ve thành than, tán mịn, Phèn chua phi, tán mịn. Trộn đều, bảo quản trong lọ kín.

Rửa sạch, lau khô tai, rắc lượng bột bằng hạt đậu xanh vào lỗ tai, rắc 1-2 lần/ngày đến khi sạch mủ hôi.

Bài 2. Nước ép lá Hẹ (tươi)

Bột Phèn phi tán mịn

Rửa sạch, lau khô tai, thổi bột Phèn phi vào lỗ tai, sau đó nhỏ vào lỗ tai 1-2 giọt nước ép lá Hẹ tươi, làm 1-2 lần/ngày.

b) Châm bấm huyệt:

Khi đau nhiều, châm tả các huyệt Ế phong, Nhĩ môn, Thính cung, Thính hội.

44. VẾT THƯƠNG PHẦN MỀM

a) Cầm máu vết thương:

Nguyên tắc: Đối với vết thương động mạch phải đặt ga-rô sớm và nhanh chóng chuyển người bệnh về tuyến sau.

Đối với vết thương phần mềm máu chảy không thành tia, có khả năng cầm máu bằng đắp thuốc và băng ép được thì tiến hành như sau:

- *Thuốc đắp vết thương:* Dùng 1 trong các loại sau: Lông Cu ly, cỏ Nhọ nồi, lá Ngải cứu, lá và hoa Kinh giới, lá Sim, lá Sắn thuyền...

https://trungtamthuoc.com/

Lông Cu ly xé nhỏ, đắp trực tiếp vào vết thương. băng ép lại hoặc dùng 1 trong các loại lá trên rửa sạch, giã nhuyễn đắp vào vết thương. Nếu điều kiện không cho phép có thể nhai nát lá rồi đắp lên vết thương, băng ép để cầm máu.

Bài 1: Nõn Chuối tiêu

Lá Thòng bong (Thạch vĩ đằng)

Hai thứ bằng nhau, rửa sạch, giã nát, đắp vào vết thương và băng lại.

Bài 2: Lá Thòng bong

Lá Mỏ quạ

Hai thứ bằng nhau, số lượng tuỳ theo vết thương to nhỏ mà dùng, rửa sạch, giã nát, đắp vào vết thương và băng lại.

Bài 3: Than bẹ Móc 15g

Than tóc rối 15g

Muội nồi 15g

Tán bột, rắc thuốc vào vết thương rồi băng ép cầm máu.

- *Thuốc uống:*

Bài 1: Cỏ Nhọ nồi 10g

Lá Ngải cứu (sao cháy) 12g

Bài 2: Lá Trắc bá (sao cháy) 10g

Lá và hoa Kinh giới (sao cháy) 16g

Sắc với 3 bát nước, lấy 1 bát, uống nhiều lần trong ngày.

- *Thuốc rửa vết thương:*

Bài 1: Lá Trầu không 40g

Phèn chua 20g

https://trungtamthuoc.com/

Lá Trầu không rửa sạch, thái nhỏ, đun sôi với 2 lít nước, để nguội, hòa tan Phèn chua, lọc trong dùng để rửa vết thương khi thay băng hàng ngày.

Bài 2: Rau Dừa nước 100g
Phèn chua 20g

Rau Dừa nước rửa sạch, thái nhỏ, đun sôi với 2 lít nước, để nguội, hòa Phèn chua cho tan hết, lọc trong, dùng để rửa vết thương.

b) Thuốc rắc vết thương:

Bài 1: Cỏ Nhọ nồi 20g
Vôi tôi 5g
Than lá Nón 10g
Hạt Vải 10g (sao khô, tán bột mịn).

Cỏ Nhọ nồi sao cháy, tán bột mịn, cùng với than lá Nón, bột hạt Vải trộn đều, bảo quản trong lọ kín, dùng rắc vết thương khi thay băng.

Bài 2: Lá Trầu không 100g
Củ Gừng già 100g
Hạt Cau già 100g
Vôi bột 30g

Lá Trầu không phơi khô trong râm, tán bột mịn, Gừng tươi giã nát, vắt nước cốt để riêng, bã Gừng sao vàng, tán bột mịn. Hạt Cau già thái nhỏ, phơi khô, tán bột mịn. Tất cả trộn đều với nước cốt Gừng, phơi khô, tán bột mịn, bảo quản trong lọ kín để dùng dần, rắc bột trên bề mặt vết thương, ngày một lần.

https://trungtamthuoc.com/

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Dược điển Việt Nam* - Nxb Y học - 2002
2. *Từ điển Bách khoa dược học* - Nxb Y học - 1999
3. *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam* - Đỗ Tất Lợi - Nxb Y học tái bản - 2000
4. *Từ điển Cây thuốc Việt Nam* - Võ Văn Chi - Nxb Y học - 1997
5. *Rau củ quả làm thuốc* - Trần Bá Cừ - Nxb Kỹ thuật - 1999
6. *Thế giới thực vật học* - Hoàng Kiến Nam - Người dịch Nguyễn Viết Chi - Nxb Văn hóa - Thông tin - 2003
7. *Từ điển bách khoa dược học* - Nxb Từ điển bách khoa - 1999.

https://trungtamthuoc.com/

MỤC LỤC

Trang

Lời nói đầu 5

Phần thứ nhất

NHỮNG CÂY THUỐC NAM THƯỜNG DÙNG

1. Bạc hà 7
2. Hương nhu 10
3. Kinh giới 12
4. Ngải cứu 14
5. Tía tô 16
6. Sả 18
7. Khổ sâm cho lá 20
8. Mơ tam thể 22
9. Gừng 24
10. Riềng 26
11. Xuyên tâm liên 28
12. Hoắc hương 30
13. Xạ can 32
14. Húng chanh 34
15. Bạch hoa xà 36
16. Bạch hạc 38
17. Muồng trâu 40
18. Đơn lá đỏ 42
19. Sài đất 44
20. Bồ công anh 46
21. Ké đầu ngựa 48

https://trungtamthuoc.com/

22. Kim ngân 50
23. Mần tưới 52
24. Sắn dây 54
25. Cam thảo dây 56
26. Trắc bách diệp 58
27. Cỏ Nhọ nồi 60
28. Huyết dụ 62
29. Mã đề 64
30. Râu mèo 66
31. Cối xay 68
32. Kim tiền thảo 70
33. Cỏ Xước 72
34. Cà gai hoa tím 74
35. Lá lốt 76
36. Hy thiêm 78
37. Đinh lăng 80
38. Cây Dâu 82
39. Vông nem 85
40. Phèn đen 87
41. Mào gà đỏ 89
42. Bồ cu vẽ 91
43. Kim vàng 93
44. Trinh nữ hoàng cung 94
45. Chó đẻ răng cưa 96

Phần thứ hai

NHỮNG CÂY THUỐC CÓ ĐỘC

1. Thông thiên 98
2. Trúc đào 100
3. Cà Độc dược 102
4. Lá ngón 105

https://trungtamthuoc.com/

5. Mã tiền 107
6. Sầu đâu rừng 109

Phần thứ ba

NHỮNG CÂY THUỐC GIẢI ĐỘC

1. Bồn bọt 111
2. Cây Chân chim 113
3. Rau má 115
4. Đậu xanh 117

Phần thứ tư

ĐIỀU TRỊ CÁC CHỨNG BỆNH THƯỜNG GẶP

1. Áp xe nóng 119
2. Bí đái 120
3. Bỏng 121
4. Bong gân 123
5. Cảm mạo 124
6. Côn trùng cắn, đốt 126
7. Cúm 128
8. Chàm 129
9. Chảy máu cam 130
10. Đái dắt, đái buốt, đái đục 131
11. Đau bụng 132
12. Đau cổ, vai, cánh tay 133
13. Đau đầu 134
14. Đau mắt đỏ 135
15. Đau mỏi thắt lưng 136
16. Đau nhức răng 137
17. Đau thần kinh liên sườn 137
18. Đầy bụng 138
19. Đỉa cắn, vắt cắn 138
20. Ghẻ 139

https://trungtamthuoc.com/

21. Hắc lào 141
22. Ho 142
23. Ỉa chảy 144
24. Khí hư (Huyết trắng) 145
25. Liệt dây thần kinh VII ngoại biên 146
26. Mẩn ngứa, dị ứng 146
27. Mất ngủ 148
28. Nấc 148
29. Nấm kẽ chân 149
30. Ngất 149
31. Ngộ độc thức ăn 150
32. Nhức mỏi khớp 152
33. Nôn mửa 153
34. Rắn cắn 154
35. Rết cắn 155
36. Rối loạn kinh nguyệt 156
37. Say nắng - say nóng 157
38. Sốt cao 158
39. Táo bón 159
40. Viêm da lở loét 160
41. Viêm họng 161
42. Viêm mũi dị ứng 162
43. Viêm tai giữa chảy mủ 163
44. Vết thương phần mềm 164

TÀI LIỆU THAM KHẢO 167

https://trungtamthuoc.com/

SỔ TAY
THUỐC NAM CHỮA BỆNH
TUYẾN CƠ SỞ

(Tái bản lần thứ nhất)

Chịu trách nhiệm xuất bản: PHẠM QUANG ĐỊNH
Biên tập: VÕ TÁ TAO
Trình bày: TỔ VI TÍNH
Sửa bản in: VŨ THỊ NGA
Bìa: MAI THƠ

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN
23 Lý Nam Đế, Hà Nội
ĐT: 8455766, 7470780, Fax. (04) 7471106

Bắt đầu in: 4-2005 In xong: 6-2005 Nộp lưu chiểu: 6-2005
Khổ sách: 13 x 19 Số trang: 172 Số lượng: 4.140
Số xuất bản: 77-100/XB-QLXB Sắp chữ: Nxb Quân đội nhân dân
In và đóng sách tại: Xí nghiệp in Hậu cần Số in: 248

https://trungtamthuoc.com/

DI HUẤN VỀ Y ĐỨC
CỦA HẢI THƯỢNG LÃN ÔNG

1. Nếu chỉ chẩn đoán qua loa, hay ngại vất vả không chịu đến khám bệnh cho cẩn thận, mà vội cho thuốc kê đơn cho xong chuyện, *là tội lười.*

2. Nếu sợ bệnh nhân không có tiền trả cho mình đủ vốn, mà không cho thứ thuốc tốt cần thiết, *là tội bủn xỉn.*

3. Nếu khi mới thấy người bệnh đã nói ngay là bệnh khó, bệnh nặng, làm cho người ta sợ để lấy nhiều tiền, *là tội lừa dối.*

4. Khi thấy bệnh khó, đáng lý nên nói thật với nhà bệnh rồi hết lòng, hết sức cứu chữa, nhưng lại sợ mang tiếng khi thất bại, hoặc sợ không thành công, không được hậu lợi, mà không chịu chữa, đến nỗi người ta phải bó tay chịu chết, ấy *là tội bất nhân.*

5. Trường hợp thấy bệnh chết đã rõ mà không bảo thật với nhà bệnh, lại nói lờ mờ để làm tiền, *là tội tham.*

6. Trường hợp người bệnh ngày thường có chuyện bất bình với mình, khi mắc bệnh phải nhờ đến mình, liền nảy ra ý nghĩ oán thù mà không chữa hay không chịu hết lòng cứu chữa, *là tội hẹp hòi.*

7. Khi gặp những người bệnh mồ côi, góa bụa, đói nghèo, nhưng không có tiền, cho là chữa mất công vô ích, [illegible] không chữa hay không chịu chữa hết lòng.

8. Học lực còn kém, nhận xét bệnh còn [illegible] sai lầm nguy hại cho người bệnh, *là tội dố[illegible]*

(Theo tập: Y âm án - Lãn Ông Tâm Lĩnh)

sổ tay thuốc nam chữa bệnh
1 005113 000717
20.000 VNĐ

https://trungtamthuoc.com/

Giá 20.000đ